

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ
ĐỢT 2 NĂM 2025

DANH SÁCH SƠ BẢO DANH VÀ PHÒNG THI VIẾT
KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 2 NĂM 2025
KHU VỰC PHÍA NAM

(Ban hành kèm theo Thông báo số 23/TB-HĐKT ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng kiểm tra)

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 1 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 1.1 - Từ SBD 0001 đến 0053)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Trung	Á	11/06/1973	Tp. HCM	0001	
2	Cao Nữ Nhân	Ái	29/08/1998	Tp. HCM	0002	
3	Đào Thanh	An	21/10/1982	Bình Dương	0003	
4	Đinh Thị Hà	An	04/04/1995	Tp. HCM	0004	
5	Đỗ Thị Thanh	An	04/09/1994	Bình Dương	0005	
6	Lê Thuỳ Vương	An	08/03/1997	Tp. HCM	0006	
7	Lương Bảo	An	26/11/2000	Tp. HCM	0007	
8	Nguyễn Hoàng	An	20/10/1974	Bến Tre	0008	
9	Nguyễn Thúy	An	26/02/1996	Tp. HCM	0009	
10	Nguyễn Văn	An	27/09/1998	Tp. HCM	0010	
11	Vũ Thu	An	10/06/1998	Tp. HCM	0011	
12	Vũ Văn	An	27/02/1997	Đồng Nai	0012	
13	Ngô Thiện	Ân	20/11/1999	Tp. HCM	0013	
14	Phạm Huỳnh Hồng	Ân	14/12/1993	Khánh Hòa	0014	
15	Võ Hoàng	Ân	28/08/1995	Tp. HCM	0015	
16	Cao Lê Ngọc	Anh	03/07/1999	Tp. HCM	0016	
17	Cao Thị Vân	Anh	03/09/1997	Đà Nẵng	0017	
18	Đặng Thị	Anh	12/03/1998	Tp. HCM	0018	
19	Đào Thực	Anh	03/10/1998	Tp. HCM	0019	
20	Đinh Vũ Mai	Anh	18/09/1998	Tp. HCM	0020	
21	Đỗ Thị Phương	Anh	12/08/1996	Tp. HCM	0021	
22	Hồ Xuân	Anh	12/08/1977	Tp. HCM	0022	
23	Hoàng Thị Minh	Anh	26/04/1999	Đắk Lắk	0023	

24	Kiều Việt	Anh	05/10/1996	Đồng Nai	0024	
25	Lê Duy	Anh	30/11/1990	Tp. HCM	0025	
26	Lê Nhật	Anh	16/12/1988	Tp. HCM	0026	
27	Lê Quỳnh	Anh	06/03/1994	Tp. HCM	0027	
28	Lê Tuấn	Anh	26/10/1987	Tp. HCM	0028	
29	Mạc Hải	Anh	23/03/1998	Tp. HCM	0029	
30	Nguyễn Đình	Anh	20/03/1999	Tp. HCM	0030	
31	Nguyễn Dư Ngọc	Anh	01/12/1999	Tp. HCM	0031	
32	Nguyễn Hoàng	Anh	20/03/1995	Tp. HCM	0032	
33	Nguyễn Hữu	Anh	05/02/1985	Tp. HCM	0033	
34	Nguyễn Lê Tú	Anh	15/01/2000	Tp. HCM	0034	
35	Nguyễn Ngọc	Anh	04/08/1984	Tp. HCM	0035	
36	Nguyễn Ngọc	Anh	27/05/1971	Tp. HCM	0036	
37	Nguyễn Ngọc Quế	Anh	27/09/2000	Tp. HCM	0037	
38	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/07/1997	Đà Nẵng	0038	
39	Nguyễn Thị Minh	Anh	12/02/1998	Tp. HCM	0039	
40	Nguyễn Tuấn	Anh	08/05/1997	Tp. HCM	0040	
41	Nguyễn Văn	Anh	10/06/1979	Phú Yên	0041	
42	Phạm Đức	Anh	24/11/1999	Tp. HCM	0042	
43	Phạm Hoàng Vân	Anh	05/08/1999	Tp. HCM	0043	
44	Phạm Quỳnh	Anh	28/07/1998	Tp. HCM	0044	
45	Phạm Thị Phương	Anh	10/07/1992	Tp. HCM	0045	
46	Phạm Thị Phương	Anh	02/11/1999	Bình Dương	0046	
47	Trần Duy	Anh	11/02/1994	Tp. HCM	0047	
48	Trần Lê Vân	Anh	26/10/1995	Tp. HCM	0048	
49	Trần Thị Vân	Anh	17/04/1995	Tp. HCM	0049	
50	Trịnh Quang Trí	Anh	01/01/1997	Tp. HCM	0050	
51	Trịnh Thị Lan	Anh	05/05/1996	Tp. HCM	0051	
52	Trịnh Thu	Anh	14/09/1986	BR-VT	0052	
53	Võ Tiến	Anh	28/11/1986	Tp. HCM	0053	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 2 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 1.3 - Từ SBD 0054 đến 0106)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Vũ Tuấn	Anh	17/01/1994	Tp. HCM	0054	

2	Đặng Quốc	Anh	04/03/1996	Tp. Hà Nội	0055	
3	Hà Thị Ngọc	Ánh	14/08/1998	Tp. HCM	0056	
4	Hoàng Thị	Ánh	15/06/1993	Tp. HCM	0057	
5	Kim Ngọc	Ánh	01/03/1999	Đồng Nai	0058	
6	Nguyễn Thị	Ánh	13/06/2000	Đà Nẵng	0059	
7	Phạm Minh	Ánh	23/10/1998	Tp. HCM	0060	
8	Nguyễn Phạm Quốc	Ánh	08/03/1984	Đồng Nai	0061	
9	Huỳnh Hữu	Bảo	27/09/1999	Tp. HCM	0062	
10	Lê Ngọc	Bảo	18/05/1991	Đắk Nông	0063	
11	Trần Quốc	Bảo	13/06/1999	Tp. HCM	0064	
12	Lê Duy	Bảy	12/07/1977	Khánh Hòa	0065	
13	Mai Văn	Bé	01/01/1988	Bạc Liêu	0066	
14	Huỳnh Thái	Bền	01/06/1996	Tp. HCM	0067	
15	Nguyễn Công	Bền	01/08/1999	Đồng Nai	0068	
16	Phan Xuân	Bính	16/01/1976	Đồng Nai	0069	
17	Đỗ Thanh	Bình	23/05/1997	Tp. HCM	0070	
18	Huỳnh Chí	Bình	10/07/1963	Tp. HCM	0071	
19	Lê Thị	Bình	02/01/1985	Tp. HCM	0072	
20	Lê Văn	Bình	01/09/1996	Bình Dương	0073	
21	Phạm Quốc	Bình	18/03/1991	Tp. HCM	0074	
22	Trần Trương Hương	Bình	02/03/1999	Tp. HCM	0075	
23	Văn Cảnh	Bình	10/10/1982	Tp. HCM	0076	
24	Vũ Bá Khánh	Bình	03/02/1990	Tp. HCM	0077	
25	Vũ Văn	Bình	09/07/1985	Đồng Nai	0078	
26	Ninh Đức	Bôn	16/03/1969	Tp. HCM	0079	
27	Nguyễn Văn	Cắm	26/04/1969	Tp. HCM	0080	
28	Nguyễn Thị Hồng	Cắm	27/01/1986	Tp. HCM	0081	
29	Vũ Thị	Cắm	04/01/1984	Tp. HCM	0082	
30	Lê Quang	Cảnh	02/01/1978	Đà Nẵng	0083	
31	Lê Tấn	Cảnh	05/08/1998	Tp. HCM	0084	
32	Nguyễn Minh	Cảnh	12/05/1998	Tp. HCM	0085	
33	Trần Cao	Cảnh	07/10/1992	Tp. HCM	0086	
34	Phan Trọng	Cầu	22/01/1956	Tp. HCM	0087	
35	Trần Lê Bảo	Châm	03/11/1999	Tp. HCM	0088	

36	Cộng Bảo	Châu	08/05/1999	Đồng Nai	0089	
37	Nguyễn Thị Hoài	Châu	03/02/1994	Đồng Nai	0090	
38	Nguyễn Thị Minh	Châu	25/05/1965	Cần Thơ	0091	
39	Võ Vạn	Châu	07/05/1999	Tp. HCM	0092	
40	Đinh Linh	Chi	02/02/1998	Tp. HCM	0093	
41	Huỳnh Thị Kim	Chi	05/01/1991	Tp. HCM	0094	
42	Lại Ngọc Linh	Chi	04/10/1999	Tp. HCM	0095	
43	Nguyễn Ngọc Khánh	Chi	13/07/1999	Tp. HCM	0096	
44	Nguyễn Thụy Tố	Chi	14/04/1999	Tp. HCM	0097	
45	Nguyễn Trúc	Chi	19/01/1968	BR-VT	0098	
46	Nguyễn Thị Quế	Chi	07/12/1996	Tp. Huế	0099	
47	Nguyễn Thị Minh	Chi	06/05/1996	Tp. HCM	0100	
48	Nguyễn Xuân	Chiến	19/05/1988	Tp. HCM	0101	
49	Ngô	Chín	11/12/1962	Tp. HCM	0102	
50	Chu Mai	Chinh	13/08/1999	Tp. HCM	0103	
51	Đặng Trường	Chinh	01/01/1974	Tp. HCM	0104	
52	Nguyễn Đặng Trường	Chinh	23/11/2000	Tp. HCM	0105	
53	Đoàn Công	Chính	29/08/1994	Tp. HCM	0106	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 3 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 2.2 - Từ SBD 0107 đến 0139)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Minh	Chính	02/11/1973	Tp. HCM	0107	
2	Hoàng Dương	Chính	16/11/1995	Tp. Hà Nội	0108	
3	Đỗ Nguyên	Chương	02/12/1999	Tp. HCM	0109	
4	Lê Hoàng	Chương	15/01/1996	Tp. HCM	0110	
5	Trần Văn	Chương	11/06/1999	Tp. HCM	0111	
6	Trần Thị Ngọc	Cơ	25/10/1980	Tp. HCM	0112	
7	Lê Thành	Công	22/11/1978	Cần Thơ	0113	
8	Nguyễn Minh	Công	05/02/1979	Đồng Nai	0114	
9	Trần Văn	Công	23/06/1977	Tp. HCM	0115	
10	Nguyễn Kim	Cúc	03/06/2000	Tp. HCM	0116	
11	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	26/01/1981	Tp. HCM	0117	
12	Nguyễn Viết	Cương	23/09/1983	BR-VT	0118	
13	Vũ Bảo	Cương	04/02/1991	Tp. HCM	0119	
14	Đỗ Trần Duy	Cường	03/07/1991	Tp. HCM	0120	

15	Dương Chí	Cường	14/02/1996	Tp. HCM	0121	
16	Lê Duy	Cường	30/10/2000	Tp. HCM	0122	
17	Lê Văn	Cường	10/10/1979	Tp. HCM	0123	
18	Nguyễn Chí	Cường	18/12/1977	Tp. HCM	0124	
19	Nguyễn Duy	Cường	24/05/1982	Tp. HCM	0125	
20	Nguyễn Duy Chí	Cường	08/01/2000	Tp. HCM	0126	
21	Nguyễn Mạnh	Cường	27/10/1995	Bình Dương	0127	
22	Nguyễn Văn	Cường	15/04/1989	Tp. HCM	0128	
23	Phan Chí	Cường	08/08/1998	Tp. HCM	0129	
24	Võ Mạnh	Cường	29/04/1999	Bình Dương	0130	
25	Lê Tuyết Phương	Đài	13/09/2000	Tp. HCM	0131	
26	Lê Văn	Đạm	01/04/1962	Tp. HCM	0132	
27	Châu Thị Thúy	Dàng	20/03/1996	Tp. HCM	0133	
28	Nguyễn Thị Thanh	Dâng	14/04/2000	Tp. HCM	0134	
29	Trần Phong	Đặng	30/10/1987	Tp. HCM	0135	
30	Lê Thanh	Đặng	16/09/1987	Cà Mau	0136	
31	Lương Thị Quỳnh	Dao	29/07/2000	Tp. HCM	0137	
32	Lê Thị Hồng	Đào	06/10/2000	Tp. HCM	0138	
33	Phạm Thị Hồng	Đào	06/06/1994	Đồng Nai	0139	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 4 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 2.4 - Từ SBD 0140 đến 0172)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trần Thị Ánh	Đào	08/04/1980	Tp. HCM	0140	
2	Trịnh Thị	Đào	14/08/1986	Tp. HCM	0141	
3	Phạm Tăng	Đạo	25/11/1992	Đồng Nai	0142	
4	Trần Văn	Đạo	12/04/1994	Trà Vinh	0143	
5	Đỗ Thành	Đạt	17/12/1999	Tp. HCM	0144	
6	Hà Phúc	Đạt	10/02/2000	Cà Mau	0145	
7	Lê Quang	Đạt	08/01/1998	Tp. HCM	0146	
8	Nguyễn Tấn	Đạt	31/07/1995	Tp. HCM	0147	
9	Nguyễn Tiến	Đạt	13/08/1993	Tp. HCM	0148	
10	Phan Tuấn	Đạt	01/09/1999	Tp. HCM	0149	
11	Trần Văn	Đạt	04/08/1981	BR-VT	0150	
12	Võ Minh	Đạt	28/09/1998	Tp. HCM	0151	
13	Nguyễn Tấn	Đạt	17/12/1970	Tp. Hà Nội	0152	
14	Lê Thị	Đẹp	12/11/1999	Cà Mau	0153	

15	Phùng Thị Ngọc	Diễm	28/02/1992	Khánh Hòa	0154	
16	Trần Thị	Diễm	13/10/2000	Tp. HCM	0155	
17	Trần Thị	Diễm	04/12/1995	Tp. HCM	0156	
18	Trương Thị Ngọc	Diễm	14/01/1990	Tp. HCM	0157	
19	Dương Nhật	Diễn	10/10/1987	Đồng Tháp	0158	
20	Trần Ngọc	Diệp	23/09/1999	Tp. HCM	0159	
21	Nguyễn Thị Hoàng	Diệp	22/06/1976	Tp. Hà Nội	0160	
22	Văn Thị Xuân	Diệu	10/02/2000	Tp. HCM	0161	
23	Lưu Bích	Dinh	24/05/1975	Tp. HCM	0162	
24	Phạm Phương	Đình	12/05/1997	Tp. HCM	0163	
25	Phạm Công	Định	08/04/1993	Tp. HCM	0164	
26	Hồ Nguyễn Khánh	Đoan	25/10/2000	Tp. HCM	0165	
27	Võ Sĩ	Đoan	03/08/1992	Tp. HCM	0166	
28	Vũ Thị Bích	Đoan	02/06/1993	Đắk Lắk	0167	
29	Huỳnh Công	Đoàn	14/09/1985	Tp. HCM	0168	
30	Tổng Ngọc Phương	Doanh	14/01/1999	Tp. HCM	0169	
31	Mai Nhựt	Đông	01/09/1983	Bến Tre	0170	
32	Nguyễn Thị	Đông	23/08/1998	Tp. HCM	0171	
33	Phạm Văn	Đông	10/06/1962	Cà Mau	0172	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 5 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 2.6 - Từ SBD 0173 đến 0205)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thành	Đông	01/05/1983	Tp. HCM	0173	
2	Mai Xuân	Đức	25/10/1999	Tp. HCM	0174	
3	Ngô Thị Minh	Đức	28/07/1992	Tp. HCM	0175	
4	Nguyễn Hoàng Anh	Đức	17/07/1985	Long An	0176	
5	Nguyễn Minh	Đức	28/12/1984	Đồng Nai	0177	
6	Nguyễn Quang	Đức	19/03/1998	Tp. HCM	0178	
7	Trần Minh	Đức	13/04/1997	Tp. HCM	0179	
8	Võ Hiền	Đức	02/05/1999	Tp. HCM	0180	
9	Đặng Quốc	Đức	02/10/1996	Hà Tĩnh	0181	
10	Bùi Thị Ngọc	Dung	25/10/2000	Tp. HCM	0182	
11	Đào Nguyễn Mai	Dung	14/03/2000	Tp. HCM	0183	
12	Huỳnh Ngọc	Dung	12/12/1987	Tp. HCM	0184	
13	Nguyễn Thị	Dung	22/08/1995	Tp. HCM	0185	
14	Nguyễn Thị Phương	Dung	02/09/1991	Tp. HCM	0186	

15	Nguyễn Thị Phương	Dung	28/09/1998	Đắk Lắk	0187	
16	Nguyễn Thùy	Dung	17/02/1991	Tp. HCM	0188	
17	Tô Thị Thanh	Dung	18/06/1999	Tp. HCM	0189	
18	Trần Nguyễn Phương	Dung	15/09/1987	Tp. HCM	0190	
19	Nguyễn Thị Thùy	Dung	19/05/1997	Tp. Hà Nội	0191	
20	Bùi Đoàn Hải	Dũng	03/02/2000	Tp. HCM	0192	
21	Đào Văn	Dũng	29/02/1992	Tp. HCM	0193	
22	Lê Anh	Dũng	07/12/1972	Tp. HCM	0194	
23	Lê Minh Bảo	Dũng	30/04/1994	Tp. HCM	0195	
24	Nguyễn Đức	Dũng	20/01/1985	Tp. HCM	0196	
25	Nguyễn Khắc	Dũng	17/10/1995	Tp. HCM	0197	
26	Phạm Tiến	Dũng	23/09/1987	Tp. HCM	0198	
27	Phạm Văn	Dũng	21/04/1990	Tp. HCM	0199	
28	Trần Quốc	Dũng	26/03/1971	Tp. HCM	0200	
29	Trần Việt	Dũng	25/08/1989	Tp. HCM	0201	
30	Trương Quốc	Dũng	02/01/1973	Đồng Nai	0202	
31	Võ Quang	Dũng	12/01/1959	Tp. HCM	0203	
32	Lê Tiến	Dụng	04/03/1995	Tp. HCM	0204	
33	Bùi Thị Thùy	Dương	01/06/2000	Quảng Nam	0205	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 6 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 2.1 - Từ SBD 0206 đến 0258)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Điền Thanh	Dương	28/11/1996	Tp. HCM	0206	
2	Dương Ngọc Thủy	Dương	01/01/1996	Tp. HCM	0207	
3	Huỳnh Thị Thùy	Dương	10/03/1983	BR-VT	0208	
4	Kim Ngọc	Dương	28/11/1998	Đồng Nai	0209	
5	Lê Minh	Dương	09/05/1998	BR-VT	0210	
6	Lê Thị Thùy	Dương	21/10/1964	An Giang	0211	
7	Lê Thùy	Dương	04/06/1994	Tp. HCM	0212	
8	Mai Đại	Dương	12/04/1998	Bình Dương	0213	
9	Ngô Thị Thùy	Dương	09/12/2000	Tp. HCM	0214	
10	Nguyễn Khánh	Dương	20/08/2000	Tp. HCM	0215	
11	Nguyễn Minh	Dương	22/07/1998	Tp. HCM	0216	
12	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	25/08/1996	Tp. HCM	0217	
13	Nguyễn Thùy	Dương	22/07/2000	Tp. HCM	0218	

14	Phan Thị Thùy	Dương	05/04/1978	Tp. HCM	0219	
15	Trần Minh	Dương	28/04/1980	Tp. HCM	0220	
16	Trần Thị Mỹ	Dương	05/06/2000	Tp. HCM	0221	
17	Nguyễn Hải	Dương	05/12/1999	Tp. Huế	0222	
18	Bùi Đăng	Duy	06/10/1984	Đồng Nai	0223	
19	Mai Lê	Duy	09/05/1997	Cần Thơ	0224	
20	Nguyễn Khắc	Duy	04/06/1982	Tp. HCM	0225	
21	Nguyễn Việt	Duy	08/03/1995	Tp. HCM	0226	
22	Nguyễn Vĩnh	Duy	16/05/1989	Tây Ninh	0227	
23	Phan Trần Đăng	Duy	16/01/1996	Tp. HCM	0228	
24	Trần Phước	Duy	26/04/1997	Tp. HCM	0229	
25	Trương Nhật	Duy	24/10/2000	Tp. HCM	0230	
26	Vũ Anh	Duy	04/09/1996	Tp. HCM	0231	
27	Cao Thị Mỹ	Duyên	30/08/2000	Tp. HCM	0232	
28	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	19/01/1997	Tp. HCM	0233	
29	Lê Thị Mỹ	Duyên	17/09/1999	Tp. HCM	0234	
30	Nguyễn Lê Kỳ	Duyên	23/11/2000	Tp. HCM	0235	
31	Nguyễn Lê Thanh	Duyên	31/10/1999	Tp. HCM	0236	
32	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	11/03/1993	Tp. HCM	0237	
33	Nguyễn Thị	Duyên	16/05/1998	Tp. HCM	0238	
34	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên	11/08/1999	Tp. HCM	0239	
35	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên	02/02/1999	Tp. HCM	0240	
36	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	24/05/1998	Tp. HCM	0241	
37	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	13/02/1994	Tp. HCM	0242	
38	Trần Thị Kim	Duyên	15/02/1999	Tp. HCM	0243	
39	Võ Nguyên Hữu	Duyên	02/09/1989	Tp. HCM	0244	
40	Vũ Thị Kiều	Duyên	27/04/1995	Tp. HCM	0245	
41	Nguyễn Văn	E	08/03/1968	Cần Thơ	0246	
42	Trần Thị Hồng	Gấm	18/08/1986	Tp. HCM	0247	
43	Trần Hoàng	Gia	16/06/1997	Tp. HCM	0248	
44	Bùi Thị Hà	Giang	08/04/1998	Tp. HCM	0249	
45	Nguyễn Hương	Giang	01/12/1996	Tp. HCM	0250	
46	Nguyễn Thị Hương	Giang	16/11/2000	Đồng Nai	0251	
47	Nguyễn Thị Huỳnh	Giang	15/08/1997	Tp. HCM	0252	

48	Nguyễn Trịnh Nhật	Giang	25/08/1991	Tp. HCM	0253	
49	Nguyễn Thị Kim	Giang	21/07/1999	Tp. HCM	0254	
50	Trần Bảo	Giang	05/02/1985	Đồng Nai	0255	
51	Nguyễn Thanh	Giàu	27/06/1997	Tp. HCM	0256	
52	Huỳnh Minh	Giới	10/06/1980	Tp. HCM	0257	
53	Đặng Văn	Hà	05/05/1986	Tp. HCM	0258	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 7 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 2.3 - Từ SBD 0259 đến 0311)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Đoàn Ngân	Hà	06/08/1999	Tp. HCM	0259	
2	Huỳnh Thị Hồng	Hà	22/10/1991	Tp. HCM	0260	
3	Nguyễn Cao Linh	Hà	05/09/1998	Tp. HCM	0261	
4	Nguyễn Sơn	Hà	18/01/1990	Tp. HCM	0262	
5	Nguyễn Thanh	Hà	16/08/1989	Tiền Giang	0263	
6	Nguyễn Thị Ngân	Hà	21/05/2000	Tp. HCM	0264	
7	Nguyễn Thị Thu	Hà	31/05/1982	Khánh Hòa	0265	
8	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/09/1999	Tp. HCM	0266	
9	Nguyễn Vũ	Hà	06/08/1995	Tp. HCM	0267	
10	Phạm Phương	Hà	14/04/1999	Tp. HCM	0268	
11	Phạm Quốc	Hà	13/04/1986	Đắk Nông	0269	
12	Phạm Thị Thu	Hà	19/09/1983	Tp. HCM	0270	
13	Quách Mạnh	Hà	26/02/1981	Tây Ninh	0271	
14	Trần Minh	Hà	24/06/1990	Tp. HCM	0272	
15	Võ Thị	Hà	02/04/1998	Quảng Ngãi	0273	
16	Trần Thị Thu	Hà	03/11/1999	Tp. Hà Nội	0274	
17	Huỳnh Khánh	Hạ	01/05/1999	Tp. HCM	0275	
18	Lê Nguyễn Nhật	Hạ	22/05/1991	Tp. HCM	0276	
19	Đàm Thị	Hách	13/06/1985	BR-VT	0277	
20	Cao Văn	Hải	14/09/1992	Tp. HCM	0278	
21	Chế Việt	Hải	01/10/1998	Tp. HCM	0279	
22	Hoàng Văn	Hải	26/08/1986	Tp. HCM	0280	
23	Hồ Sỹ	Hải	21/08/1983	Đắk Lắk	0281	
24	Lê Thanh	Hải	26/09/1972	Tp. HCM	0282	
25	Mai Tuấn	Hải	01/06/1996	Tp. HCM	0283	

SG
VG
SU
JOC
W

26	Nguyễn Thị Mỹ	Hải	20/09/1994	Đà Nẵng	0284	
27	Phạm Văn	Hải	12/01/1982	Tp. HCM	0285	
28	Phan Phụng Đức	Hải	02/01/1989	Tp. HCM	0286	
29	Trần Công	Hải	08/06/1987	Tp. HCM	0287	
30	Trần Xuân	Hải	12/09/1999	Tp. HCM	0288	
31	Trịnh Quốc	Hải	16/05/1985	Bình Dương	0289	
32	Phạm Phú	Hải	15/03/1979	Quảng Trị	0290	
33	Bùi Thị Ngọc	Hân	22/03/1994	Tp. HCM	0291	
34	Lưu Gia	Hân	10/02/1999	Tp. HCM	0292	
35	Mai Lý Gia	Hân	23/10/1999	Tp. HCM	0293	
36	Nguyễn Ngọc	Hân	12/01/1999	Tp. HCM	0294	
37	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	21/03/2000	Tp. HCM	0295	
38	Nguyễn Trần Bảo	Hân	07/12/1997	Tp. HCM	0296	
39	Phan Châu Thu	Hân	10/12/2000	Tp. HCM	0297	
40	Phan Ngọc Diễm	Hân	03/09/1979	Đồng Nai	0298	
41	Từ Gia	Hân	01/02/1998	Tp. HCM	0299	
42	Võ Kiều	Hân	22/07/1998	Tp. HCM	0300	
43	Bùi Thị Cẩm	Hằng	29/10/1997	Tp. HCM	0301	
44	Cao Thuý	Hằng	21/09/2000	Tp. HCM	0302	
45	Dương Thị Thanh	Hằng	17/10/2000	Tp. HCM	0303	
46	Hồ Thị Thanh	Hằng	08/06/1999	Tp. HCM	0304	
47	Hồ Thị Thuý	Hằng	10/06/1997	Tp. HCM	0305	
48	Lại Thị Thuý	Hằng	20/01/1996	Tp. HCM	0306	
49	Lê Phương	Hằng	27/12/1998	Tp. HCM	0307	
50	Lê Thị Thu	Hằng	10/10/1980	Cần Thơ	0308	
51	Nguyễn Lê	Hằng	05/03/1987	Tp. HCM	0309	
52	Nguyễn Thị	Hằng	06/11/2000	Tp. HCM	0310	
53	Nguyễn Thị	Hằng	06/12/2000	Tp. HCM	0311	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 8 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 3.2 - Từ SBD 0312 đến 0344)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Nguyệt	Hằng	15/05/1998	Tp. HCM	0312	
2	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	25/07/2000	Đắk Lắk	0313	
3	Nguyễn Vũ Cẩm	Hằng	07/09/1991	Tp. HCM	0314	
4	Phạm Thị Thanh	Hằng	23/02/1994	Tp. HCM	0315	

5	Trần Thị Bích	Hằng	09/05/1980	Đồng Nai	0316	
6	Trần Thị Minh	Hằng	01/02/1999	Tp. HCM	0317	
7	Trần Thị Mỹ	Hằng	02/11/1999	Tp. HCM	0318	
8	Trần Thu	Hằng	12/08/1997	Tp. HCM	0319	
9	Trần Việt	Hằng	12/12/1999	Đà Nẵng	0320	
10	Trịnh Thị Thúy	Hằng	25/02/1990	Tp. HCM	0321	
11	Đặng Ngọc	Hạnh	20/03/1998	Tp. HCM	0322	
12	Nguyễn Bảo	Hạnh	18/08/1985	Lâm Đồng	0323	
13	Phạm Nguyễn Ngân	Hạnh	27/09/1996	Tp. HCM	0324	
14	Phạm Thị Hồng	Hạnh	06/11/2000	Long An	0325	
15	Phạm Trần Kim	Hạnh	01/04/2000	Tp. HCM	0326	
16	Phan Mỹ	Hạnh	27/09/1998	Tp. HCM	0327	
17	Phan Thị	Hạnh	01/08/1995	Tp. HCM	0328	
18	Trần Thị	Hạnh	01/10/1996	Tp. HCM	0329	
19	Trần Thị Mỹ	Hạnh	19/10/2000	Tp. HCM	0330	
20	Dương Thị Hồng	Hào	08/07/1995	Tp. HCM	0331	
21	Nguyễn Thị	Hào	10/06/1996	Tp. HCM	0332	
22	Nguyễn Tô Như	Hào	27/06/1992	Tp. HCM	0333	
23	Phùng Thị Như	Hào	11/09/1998	Tp. HCM	0334	
24	Huỳnh Ngọc	Hậu	05/12/1971	Cà Mau	0335	
25	Lê Thị	Hậu	09/06/1995	Tp. HCM	0336	
26	Nguyễn Văn	Hậu	02/11/1995	Tp. HCM	0337	
27	Trần	Hậu	08/01/1996	Tp. HCM	0338	
28	Trần Thị Trung	Hậu	17/05/2000	Tp. HCM	0339	
29	Đặng Thị	Hiền	16/07/1986	Tp. HCM	0340	
30	Lê Thị Thanh	Hiền	28/10/1990	Tp. HCM	0341	
31	Lê Thị Thu	Hiền	17/04/2000	Tp. HCM	0342	
32	Mai Diệu	Hiền	18/01/1998	Tp. HCM	0343	
33	Nguyễn Thị	Hiền	20/07/1990	Tp. HCM	0344	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 9 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 3.4 - Từ SBD 0345 đến 0377)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thu	Hiền	16/08/1999	Bình Dương	0345	
2	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	28/07/1976	BR-VT	0346	
3	Nguyễn Thu	Hiền	19/03/1998	Tp. HCM	0347	
4	Phan Dương Thục	Hiền	11/03/1999	Tp. HCM	0348	

5	Phan Thị Thu	Hiền	07/01/1987	Đồng Nai	0349	
6	Văn Thị Thu	Hiền	06/08/1997	Tp. HCM	0350	
7	Võ Thị Thuý	Hiền	24/02/2000	Tp. HCM	0351	
8	Phạm Thị Thu	Hiền	02/04/1992	Tp. Hà Nội	0352	
9	Bùi Thanh	Hiền	08/07/2000	Tp. Hà Nội	0353	
10	Trần Thị Thu	Hiền	12/09/1983	Tp. Hà Nội	0354	
11	Đặng Minh	Hiệp	25/03/1982	Bình Thuận	0355	
12	Đinh Anh	Hiệp	10/11/1997	Tp. HCM	0356	
13	Lê Văn	Hiệp	06/06/1985	Tp. HCM	0357	
14	Tạ Văn	Hiệp	11/06/1986	Tp. HCM	0358	
15	Trương Đức	Hiệp	03/05/1980	Nghệ An	0359	
16	Nguyễn Phan Đông	Hiếu	30/08/1999	Tp. HCM	0360	
17	Nguyễn Văn	Hiếu	04/05/1995	Tp. HCM	0361	
18	Nguyễn Văn	Hiếu	11/08/1991	Tp. HCM	0362	
19	Phan	Hiếu	30/12/1998	Tp. HCM	0363	
20	Trần Minh	Hiếu	08/02/2000	Tp. HCM	0364	
21	Trần Minh	Hiếu	19/08/1995	Kiên Giang	0365	
22	Trần Trọng	Hiếu	23/03/1974	Long An	0366	
23	Võ Trung	Hiếu	21/11/1992	Tp. HCM	0367	
24	Nguyễn Thị Thu	Hiếu	16/01/1990	Tp. HCM	0368	
25	Đinh Quốc	Hiệu	08/02/1981	Bình Dương	0369	
26	Lê Thị	Hoa	28/04/1999	Tp. HCM	0370	
27	Trần Lê Kim	Hoa	07/02/1996	Tp. HCM	0371	
28	Võ Nguyễn Mỹ	Hoa	03/12/1997	Tp. HCM	0372	
29	Vũ Thị	Hoa	07/01/1997	Thanh Hóa	0373	
30	Lê Thị	Hoa	28/07/1985	Tp. Hà Nội	0374	
31	Lê Tiến	Hoà	21/11/1994	Tp. HCM	0375	
32	Nguyễn Thị	Hoà	14/05/1979	Tp. HCM	0376	
33	Nguyễn Đức	Hoà	13/04/1989	Kon Tum	0377	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 10 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 3.6 - Từ SBD 0378 đến 0410)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Tấn	Hoà	20/10/1976	Quảng Ngãi	0378	
2	Tô Thanh	Hoà	25/03/1993	Cần Thơ	0379	
3	Trần Thị	Hoà	15/10/1981	Tp. HCM	0380	

4	Lê Quang	Hòa	05/09/1998	Tp. Hà Nội	0381	
5	Phạm Thanh	Hoài	30/04/1999	Tp. HCM	0382	
6	Nguyễn Công	Hoan	19/05/1993	Tp. HCM	0383	
7	Bùi Viết	Hoàng	22/03/1986	Tp. HCM	0384	
8	Mai Lâm	Hoàng	22/02/1981	Tp. HCM	0385	
9	Ngô Mậu	Hoàng	03/06/1999	Tp. HCM	0386	
10	Nguyễn Huy	Hoàng	04/06/1997	Tp. HCM	0387	
11	Nguyễn Huy	Hoàng	10/05/1998	Tp. HCM	0388	
12	Nguyễn Huy	Hoàng	02/04/1996	Đồng Nai	0389	
13	Nguyễn Quốc	Hoàng	19/02/1996	Tp. HCM	0390	
14	Phan Việt	Hoàng	09/10/1995	Tp. HCM	0391	
15	Lê Thanh	Hoàng	28/02/1995	Quảng Trị	0392	
16	Nguyễn Xuân	Hôn	05/01/1995	Tp. HCM	0393	
17	Đinh Thị	Hồng	02/04/1997	Tp. HCM	0394	
18	Đường Thị Tuyết	Hồng	04/12/1993	Tp. HCM	0395	
19	Nguyễn Thị Bích	Hồng	29/09/1998	Tp. HCM	0396	
20	Trần Đình	Huân	21/05/1994	Tp. HCM	0397	
21	Đặng Thị	Huệ	23/04/1999	Tp. HCM	0398	
22	Nguyễn	Huệ	15/07/1957	Đồng Nai	0399	
23	Nguyễn Văn	Huệ	20/02/1982	BR-VT	0400	
24	Phan Thị Linh	Huệ	14/05/1991	Tp. HCM	0401	
25	Trình Thị Trúc	Huệ	26/11/1991	Tp. HCM	0402	
26	Đặng Khánh	Hùng	19/09/1996	Tp. HCM	0403	
27	Hồng	Hùng	09/07/1953	Đồng Nai	0404	
28	Lê Văn	Hùng	10/09/1979	Tp. HCM	0405	
29	Lương Mạnh	Hùng	24/09/1985	Tp. HCM	0406	
30	Lương Văn	Hùng	07/11/1976	Đồng Nai	0407	
31	Nguyễn Đình	Hùng	21/09/1992	Tp. HCM	0408	
32	Nguyễn Thế Anh	Hùng	08/03/2000	Tp. HCM	0409	
33	Nguyễn Việt	Hùng	24/07/1967	Long An	0410	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 11 (Khu vực phía Nam)

(Hội trường A 3.1 - Từ SBD 0411 đến 0463)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Phạm Quang	Hùng	26/05/1978	Tp. HCM	0411	
2	Phạm Quốc	Hùng	17/02/1976	Tp. HCM	0412	

3	Trần Thanh	Hùng	11/10/1997	Tp. HCM	0413	
4	Đỗ Thanh	Hưng	08/12/1996	Quảng Ngãi	0414	
5	Hoàng Minh	Hưng	01/02/1988	Đồng Nai	0415	
6	Huỳnh Lý	Hưng	02/05/1988	Tp. HCM	0416	
7	Huỳnh Văn	Hưng	04/02/1995	Tp. HCM	0417	
8	Nguyễn Thanh	Hưng	11/02/1982	Lâm Đồng	0418	
9	Phan Cảnh	Hưng	05/07/1999	Tp. HCM	0419	
10	Trần Quang	Hưng	04/06/1996	Vĩnh Long	0420	
11	Trần Văn	Hưng	17/02/1982	Tp. HCM	0421	
12	Bùi Thị Giáng	Hương	17/03/2000	Tp. HCM	0422	
13	Bùi Thị Ngọc	Hương	06/11/1995	Tp. HCM	0423	
14	Bùi Thị Thu	Hương	15/03/1999	Tp. HCM	0424	
15	Đặng Thị Mai	Hương	27/09/1998	Tp. HCM	0425	
16	Hoàng Thị	Hương	17/04/1993	Đắk Nông	0426	
17	Huỳnh Lan	Hương	26/01/1998	Tp. HCM	0427	
18	Khiếu Thu	Hương	13/06/1998	Tp. HCM	0428	
19	Khuất Thị Diễm	Hương	14/12/1980	Đồng Nai	0429	
20	Lê Diệp	Hương	10/01/1981	Tp. HCM	0430	
21	Lê Thị Diễm	Hương	25/07/1996	Tp. HCM	0431	
22	Lê Thị Lan	Hương	05/01/1999	Tp. HCM	0432	
23	Nguyễn Ngọc Lan	Hương	31/10/2000	Tp. HCM	0433	
24	Nguyễn Thị Mai	Hương	12/12/1989	Đồng Nai	0434	
25	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	10/08/1980	Tp. HCM	0435	
26	Nguyễn Thị Thu	Hương	07/12/1999	Tp. HCM	0436	
27	Nguyễn Thị Thu	Hương	20/06/1999	Tp. HCM	0437	
28	Nguyễn Thị Thùy	Hương	21/06/1978	Khánh Hòa	0438	
29	Phạm Lê Thiên	Hương	26/04/1998	Đồng Tháp	0439	
30	Trần Quỳnh	Hương	24/10/1998	Tp. HCM	0440	
31	Trần Thị Ái	Hương	15/09/1985	Tp. HCM	0441	
32	Trần Thị Thanh	Hương	29/09/2000	Tp. HCM	0442	
33	Trần Thị	Hương	24/12/1993	Thanh Hóa	0443	
34	Dương Thị Thu	Hương	28/08/1971	Đồng Nai	0444	
35	Trần Lâm Thúy	Hương	29/08/1997	Đà Nẵng	0445	
36	Lê Minh	Hữu	03/03/1978	Bến Tre	0446	
37	Hà Bảo	Huy	29/08/1997	Tp. HCM	0447	

38	Hán Đôn Gia	Huy	29/01/1999	Tp. HCM	0448	
39	Lê Trường	Huy	26/06/2000	Tp. HCM	0449	
40	Nguyễn Đình	Huy	02/10/1998	Tp. HCM	0450	
41	Nguyễn Đức	Huy	28/06/1997	Tp. HCM	0451	
42	Nguyễn Ngọc Gia	Huy	11/03/1999	Tp. HCM	0452	
43	Nguyễn Ngọc Quang	Huy	11/04/1998	Tp. HCM	0453	
44	Nguyễn Thanh	Huy	14/10/1998	Tp. HCM	0454	
45	Nguyễn Trung	Huy	19/05/1996	Đà Nẵng	0455	
46	Nguyễn Vũ Hoàng	Huy	01/03/2000	Tp. HCM	0456	
47	Phạm Đức	Huy	22/12/1976	Tp. HCM	0457	
48	Trần Đình	Huy	30/08/1999	Tp. HCM	0458	
49	Trần Duy	Huy	14/05/1991	Tp. HCM	0459	
50	Trần Quang	Huy	14/01/1972	Tp. HCM	0460	
51	Lê Quang Nhật	Huy	28/07/1998	Tp. Huế	0461	
52	Hà Tiến	Huy	01/10/1997	Tp. Hà Nội	0462	
53	Cao Thị Bích	Huyền	02/04/2000	Tp. HCM	0463	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 12 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 3.3 - Từ SBD 0464 đến 0516)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Chu Thị	Huyền	18/11/1996	Tp. HCM	0464	
2	Đặng Thị Kim	Huyền	19/04/2000	Tp. HCM	0465	
3	Đỗ Bùi Diệu	Huyền	20/08/1999	Tp. HCM	0466	
4	Lê Thị Bích	Huyền	10/03/1991	Tp. HCM	0467	
5	Nguyễn Thị Ái	Huyền	28/02/1998	Tp. HCM	0468	
6	Nguyễn Thị Bích	Huyền	28/04/1988	Tp. HCM	0469	
7	Nguyễn Thị Thu	Huyền	29/02/2000	Tp. HCM	0470	
8	Nguyễn Thị Thu	Huyền	26/04/1987	Tp. HCM	0471	
9	Nuyễn Bích	Huyền	11/06/1997	Tp. HCM	0472	
10	Trần Huỳnh Ngọc	Huyền	03/02/1999	Tp. HCM	0473	
11	Trần Thị Mỹ	Huyền	06/01/1997	Tp. HCM	0474	
12	Trương Thanh	Huyền	17/01/1996	Đà Nẵng	0475	
13	Võ Nữ Ái	Huyền	11/07/1999	Tp. HCM	0476	
14	Lê Trúc	Huỳnh	12/12/1997	Tp. HCM	0477	
15	Thạch Sa	Huỳnh	24/11/1999	Cần Thơ	0478	

16	Y Tina	K nông	03/08/1983	Đắk Lắk	0479	
17	Lê Kinh	Kha	15/01/1997	Gia Lai	0480	
18	Nguyễn Thế	Kha	30/10/1998	Tp. HCM	0481	
19	Nguyễn Văn Thành	Kha	19/10/1977	Tây Ninh	0482	
20	Phan Hoàng	Kha	08/11/2000	Cà Mau	0483	
21	Võ Thiên Lý	Khách	05/09/1999	Tp. HCM	0484	
22	Bùi Quang	Khải	09/09/1978	Đồng Nai	0485	
23	Đặng Đức	Khải	30/09/2000	Tp. HCM	0486	
24	Hồ Nhật	Khải	13/08/1998	Tp. HCM	0487	
25	Huỳnh Quang	Khải	16/09/1999	Tp. HCM	0488	
26	Trần Định	Khải	08/01/1997	Gia Lai	0489	
27	Trần Thanh	Khải	01/12/1989	Kiên Giang	0490	
28	Cao Thái	Khang	26/03/1983	BR-VT	0491	
29	Hà Minh	Khang	22/04/1996	Tp. HCM	0492	
30	Thái Thúc Trần	Khang	07/07/1995	Tp. HCM	0493	
31	Ung Hoàng	Khang	17/02/2000	Vĩnh Long	0494	
32	Nguyễn Duy	Khang	12/10/1976	Thanh Hóa	0495	
33	Huỳnh Công	Khanh	28/07/1995	Tp. HCM	0496	
34	Võ Minh	Khanh	06/08/1996	Tp. HCM	0497	
35	Hoàng Quốc	Khánh	02/09/1996	Tp. HCM	0498	
36	Nguyễn Mỹ	Khánh	06/09/1994	Tp. HCM	0499	
37	Nguyễn Nam	Khánh	03/05/1994	Tp. HCM	0500	
38	Nguyễn Ngọc	Khánh	08/10/2000	Tp. HCM	0501	
39	Nguyễn Thiên	Khánh	06/02/1992	Khánh Hòa	0502	
40	Nguyễn Xuân	Khánh	16/01/1994	Tp. HCM	0503	
41	Phạm Đăng	Khánh	07/08/1979	Bình Dương	0504	
42	Phạm Trần Bảo	Khánh	21/07/1999	Tp. HCM	0505	
43	Trương Thị Diệu	Khánh	07/04/1985	Bình Dương	0506	
44	Lâm Chinh	Khâu	06/11/1985	Tp. HCM	0507	
45	Bùi Đăng	Khoa	05/06/1990	Tp. HCM	0508	
46	Đỗ Phương	Khoa	23/03/1999	Tp. HCM	0509	
47	Lê Ngọc Minh	Khoa	23/06/1988	Tp. HCM	0510	
48	Nguyễn Đăng	Khoa	12/05/1999	Tp. HCM	0511	
49	Nguyễn Đăng	Khoa	04/10/1999	Tp. HCM	0512	

50	Nguyễn Sơn	Khoa	08/11/1987	Đồng Nai	0513	
51	Nguyễn Thị Yến	Khoa	01/12/1997	Bình Dương	0514	
52	Tô Đăng	Khoa	12/04/1975	Đồng Nai	0515	
53	Trần Tấn	Khoa	12/07/1994	Tp. HCM	0516	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 13 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 3.5 - Từ SBD 0517 đến 0569)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Huỳnh Văn	Khoáng	24/08/1998	Tp. HCM	0517	
2	Lê Vũ Trọng	Khôi	12/03/1997	Bình Dương	0518	
3	Trần Nguyên	Khôi	06/03/1991	Tp. HCM	0519	
4	Nguyễn Văn	Khuê	19/07/2000	Tp. HCM	0520	
5	Quách Thuỵ Anh	Khuê	18/12/1997	Tp. HCM	0521	
6	Dương Thoại	Khương	15/01/1985	Tp. HCM	0522	
7	Phạm Mai Gia	Khương	24/07/1998	Tp. HCM	0523	
8	Trần Duy	Khương	10/07/1999	Tp. HCM	0524	
9	Trần Gia	Khương	24/08/1999	Tp. HCM	0525	
10	Ngô Thị	Khuyên	18/11/1988	Tp. HCM	0526	
11	Nguyễn Thị	Khuyên	21/04/1997	Tp. HCM	0527	
12	Trịnh Thị Bích	Khuyên	19/01/1988	Tp. HCM	0528	
13	Hoàng Đình	Kiên	08/04/1996	Tp. HCM	0529	
14	Huỳnh Trung	Kiên	07/11/1999	Tp. HCM	0530	
15	Nguyễn Huỳnh Trung	Kiên	10/02/1998	Đắk Lắk	0531	
16	Ngô Chí	Kiệt	29/12/2001	Tp. HCM	0532	
17	Huỳnh Thị Oanh	Kiều	12/04/1996	Tp. HCM	0533	
18	Khương Kim Thúy	Kiều	17/04/1997	Cà Mau	0534	
19	Lê Thị Ngọc	Kiều	22/09/1975	Tp. HCM	0535	
20	Nguyễn Nhi	Kiều	22/12/1999	Tp. HCM	0536	
21	Phạm Thị Thúy	Kiều	20/12/1993	Tp. HCM	0537	
22	Trần Thị Ninh	Kiều	02/06/1983	Đồng Nai	0538	
23	Nguyễn Thị	Kim	01/09/1995	Tp. Huế	0539	
24	Lê Thị Thanh	Lai	02/08/1990	Tp. HCM	0540	
25	Bùi Trúc	Lam	25/09/1984	Tp. HCM	0541	
26	Trần Ngọc	Lam	01/10/1994	Tp. HCM	0542	
27	Lê	Lâm	12/11/1966	Tp. HCM	0543	
28	Lê Thị	Lâm	06/02/1982	Đồng Nai	0544	

29	Nguyễn Phú	Lâm	08/03/1992	Long An	0545	
30	Nguyễn Tiến Sơn	Lâm	27/02/1998	Tp. HCM	0546	
31	Nguyễn Tùng	Lâm	16/07/1968	Cà Mau	0547	
32	Trần Phước	Lâm	16/07/1996	Tp. Huế	0548	
33	Nguyễn Kim	Lâm	29/01/1985	Tp. HCM	0549	
34	Lê Thị	Lan	01/06/1976	Đồng Nai	0550	
35	Phạm Ngọc	Lan	08/10/1987	Kiên Giang	0551	
36	Lê Phước	Lập	08/10/1997	Tây Ninh	0552	
37	Đỗ Thu	Lệ	21/08/1992	Tp. HCM	0553	
38	Lê Thị	Lệ	25/03/1990	Tp. HCM	0554	
39	Hồ Ngọc	Liên	01/06/1995	Tây Ninh	0555	
40	Nguyễn Thới	Liên	28/11/1992	Đồng Nai	0556	
41	Phạm Hoàng Thanh	Liên	11/12/1983	Tp. HCM	0557	
42	Phan Thanh	Liên	25/03/1967	BR-VT	0558	
43	Đỗ Thị	Liên	01/01/1993	Đồng Nai	0559	
44	Kiều Hồng	Liên	11/07/1999	Tp. HCM	0560	
45	Ngô Thị Kim	Liên	25/08/1989	Tp. HCM	0561	
46	Huỳnh Ngọc	Liễu	03/01/1996	Bình Dương	0562	
47	Nguyễn Thị	Liễu	10/06/1991	Tp. HCM	0563	
48	Nguyễn Thị Thúy	Liễu	25/02/1996	Tp. HCM	0564	
49	Bùi Linh	Linh	04/03/1998	Tp. HCM	0565	
50	Bùi Thị Thuỳ	Linh	18/02/1996	Tp. HCM	0566	
51	Đỗ Thị Mỹ	Linh	20/08/1997	Tp. HCM	0567	
52	Đỗ Thùy	Linh	30/05/1999	Tp. HCM	0568	
53	Lê Hồng Thảo	Linh	27/05/1995	Khánh Hòa	0569	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 14 (Khu vực phía Nam)

(Phòng A 4.2 - Từ SBD 0570 đến 0602)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thảo	Linh	20/11/1999	Cà Mau	0570	
2	Lê Thị Ngọc	Linh	30/03/1989	Đồng Nai	0571	
3	Lương Thị Trúc	Linh	01/07/1998	Tp. HCM	0572	
4	Mã Bội	Linh	13/10/1983	Tp. HCM	0573	
5	Nguyễn Hoàng	Linh	21/07/1996	Tp. HCM	0574	
6	Nguyễn Hoàng	Linh	20/03/1998	Tp. HCM	0575	
7	Nguyễn Phương	Linh	07/09/1974	Khánh Hòa	0576	

8	Nguyễn Thị Diệp	Linh	09/08/1998	Tp. HCM	0577	
9	Nguyễn Thị Kiều	Linh	10/09/1996	Tp. HCM	0578	
10	Nguyễn Thị Mộng	Linh	24/01/1976	Long An	0579	
11	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	08/10/1997	Tp. HCM	0580	
12	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17/04/1996	Tp. HCM	0581	
13	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/11/1993	Tp. HCM	0582	
14	Nguyễn Thị Thùy	Linh	21/10/1996	Đà Nẵng	0583	
15	Nguyễn Thị Trúc	Linh	18/05/2000	Tp. HCM	0584	
16	Nguyễn Thị Yến	Linh	29/05/1999	Tp. HCM	0585	
17	Phạm Cao	Linh	26/03/1996	Tp. HCM	0586	
18	Phạm Thị Kiều	Linh	30/11/1999	Tp. HCM	0587	
19	Phan Quốc	Linh	16/05/1996	Tp. HCM	0588	
20	Quách Thị Mỹ	Linh	21/08/1997	Tp. HCM	0589	
21	Thái Trọng	Linh	17/05/1996	Tp. HCM	0590	
22	Tổng Gia	Linh	11/07/2000	Tp. HCM	0591	
23	Tổng Tiểu	Linh	27/03/1996	Bình Dương	0592	
24	Trần Ngọc Khánh	Linh	01/10/1984	Tp. HCM	0593	
25	Trần Võ Phương	Linh	01/12/1999	Khánh Hòa	0594	
26	Trịnh Đoàn Tuấn	Linh	28/08/1978	Tp. HCM	0595	
27	Trương Phạm Mỹ	Linh	02/03/2000	Tp. HCM	0596	
28	Võ Phạm Trúc	Linh	23/04/2000	Tp. HCM	0597	
29	Vũ Thị	Linh	12/02/1998	Đồng Nai	0598	
30	Võ Thị Thảo	Linh	12/07/1999	Tp. Huế	0599	
31	Lê Thị Li	Loan	22/09/1999	Đà Nẵng	0600	
32	Mai Thị Kim	Loan	27/09/1988	Tp. HCM	0601	
33	Ngô Thị	Loan	07/07/1998	Tp. HCM	0602	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 15 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.4 - Từ SBD 0603 đến 0635)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	20/11/1999	Tp. HCM	0603	
2	Phạm Ngọc	Loan	26/03/1995	Tp. HCM	0604	
3	Phạm Thị	Loan	13/06/1998	Tp. HCM	0605	
4	Trần Thiện Như	Loan	06/11/1978	Tp. HCM	0606	
5	Võ Thị	Loan	01/01/1999	Tp. HCM	0607	
6	Vũ Đức	Loan	20/09/1973	Tp. HCM	0608	
7	Đoàn Nguyễn Nguyên	Lộc	29/01/1997	Long An	0609	

JAT
ỘI E
LUẬ
DÀN

8	Lê Anh	Lộc	17/10/1988	Trà Vinh	0610	
9	Nguyễn Ngọc Vĩnh	Lộc	28/01/1990	Tp. HCM	0611	
10	Phạm Xuân	Lộc	25/04/1983	Tp. HCM	0612	
11	Đầu Văn	Lợi	12/09/2000	Đồng Nai	0613	
12	Nguyễn Thị	Lợi	04/12/1999	Đà Nẵng	0614	
13	Trần Như	Lợi	20/08/1993	Bình Dương	0615	
14	Trần Xuân	Lợi	30/11/1984	Tp. HCM	0616	
15	Lương Mẫu	Lợi	11/09/1990	Tp. Huế	0617	
16	Bùi Huy	Long	15/06/1978	Tp. HCM	0618	
17	Cang Nguyễn Ái	Long	10/03/1995	Tp. HCM	0619	
18	Đỗ Văn	Long	08/11/1981	Đồng Nai	0620	
19	Dương Thành	Long	08/08/1977	BR-VT	0621	
20	Lê Đạt	Long	25/01/2000	Tp. HCM	0622	
21	Lê Đình Vũ	Long	04/11/1976	Tp. HCM	0623	
22	Lê Hoàng	Long	27/03/1992	Tp. HCM	0624	
23	Nguyễn Đình Khánh	Long	31/07/1988	Bình Dương	0625	
24	Nguyễn Hoàng	Long	22/12/2000	Kiên Giang	0626	
25	Nguyễn Hoàng	Long	22/06/1999	Tp. HCM	0627	
26	Nguyễn Thành	Long	07/12/1994	Tp. HCM	0628	
27	Trương Nguyễn Thiên	Long	12/12/1997	Tp. HCM	0629	
28	Võ Nam	Long	12/02/2000	Tp. HCM	0630	
29	Võ Phi	Lớt	19/09/1993	Tp. HCM	0631	
30	Huỳnh Văn	Luân	02/07/1983	Bình Dương	0632	
31	Nguyễn Minh	Luân	10/12/1984	Tp. HCM	0633	
32	Lê Duy	Lượng	14/08/1983	Tây Ninh	0634	
33	Dũng Thành	Lưu	14/05/2000	Tp. HCM	0635	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 16 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.6 - Từ SBD 0636 đến 0668)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Đình Thị Pha	Ly	10/12/1992	Tp. HCM	0636	
2	Nguyễn Thị	Ly	23/02/1996	Đồng Nai	0637	
3	Trần Juy	Ly	24/09/1989	Tp. HCM	0638	
4	Trương Thị Diệu	Ly	28/07/1999	Tp. HCM	0639	
5	Võ Thị Khánh	Ly	07/01/1998	Tp. HCM	0640	
6	Lường Thị	Lý	21/10/1983	Tp. HCM	0641	
7	Phạm Thị Minh	Lý	18/12/1998	Tp. HCM	0642	

8	Đặng Thị Xuân	Mai	22/12/1994	Đồng Nai	0643	
9	Đinh Trần Ngọc	Mai	03/05/2000	Tp. HCM	0644	
10	Dương Huỳnh	Mai	04/03/1995	Tp. HCM	0645	
11	Hàng Mỹ	Mai	02/08/1983	Tp. HCM	0646	
12	Hứa Thị Tuyết	Mai	15/02/1998	Tp. HCM	0647	
13	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	20/10/1999	Tp. HCM	0648	
14	Phan Thị Phương	Mai	12/09/2000	Tp. HCM	0649	
15	Võ Thị Phương	Mai	02/11/1995	Tp. HCM	0650	
16	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	31/10/1993	Tp. Hà Nội	0651	
17	Bùi Thị	Mẫn	06/01/1985	Tp. HCM	0652	
18	Châu Thành	Mẫn	20/02/1972	Tp. HCM	0653	
19	Lương Thanh	Mẫn	20/12/1985	Đồng Nai	0654	
20	Phan Minh	Mẫn	19/11/1961	Tây Ninh	0655	
21	Trương Thị Minh	Mẫn	29/12/1999	Tp. HCM	0656	
22	Đinh Thanh	Mạnh	04/06/1978	Tp. HCM	0657	
23	Nguyễn Đức	Mạnh	05/05/1999	Tp. HCM	0658	
24	Nguyễn Đức	Mạnh	05/10/1997	Tp. HCM	0659	
25	Trần Thị Thảo	Mi	28/12/1988	Tp. HCM	0660	
26	Võ Thị Trà	Mi	29/08/1993	Tp. HCM	0661	
27	Bùi Quang	Minh	26/08/1989	Tp. HCM	0662	
28	Đinh Thị	Minh	12/10/1996	Tp. HCM	0663	
29	Lê Hữu	Minh	21/11/1986	Tp. HCM	0664	
30	Lê Ngọc Tuyết	Minh	14/12/2000	Tp. HCM	0665	
31	Nguyễn Đoàn	Minh	09/04/1973	Tp. HCM	0666	
32	Nguyễn Tự	Minh	03/10/1963	Tp. HCM	0667	
33	Nguyễn Võ Đại	Minh	13/11/1993	Tp. HCM	0668	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 17 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.1 - Từ SBD 0669 đến 0721)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Phạm Văn	Minh	17/06/2000	Tp. HCM	0669	
2	Phan Quang	Minh	23/10/1996	Tp. HCM	0670	
3	Phan Tấn	Minh	26/01/1978	Tp. HCM	0671	
4	Phùng Quang	Minh	20/12/1998	Đồng Nai	0672	
5	Trần Hoàng	Minh	20/11/1991	Cần Thơ	0673	
6	Trần Quang	Minh	02/11/1977	Tp. HCM	0674	
7	Nguyễn Thị Diệu	Minh	17/06/1989	Tp. Huế	0675	
8	Nguyễn Thị	My	07/12/2000	Tp. HCM	0676	

9	Nguyễn Thị Diễm	My	19/11/1993	Phú Yên	0677	
10	Nguyễn Thị Diễm	My	17/11/1999	Tp. HCM	0678	
11	Nguyễn Vương Thụy	My	09/08/1991	Tp. HCM	0679	
12	Phan Thị Kiều	My	01/01/1998	Tp. HCM	0680	
13	Trần Thị Diệu	My	17/02/1999	Tp. HCM	0681	
14	Trang Đặng Hiếu	My	12/08/1999	Tp. HCM	0682	
15	Trần Thị Thanh	Mỹ	06/07/1984	Tp. HCM	0683	
16	Lê Thị Ly	Na	27/10/2000	Tp. HCM	0684	
17	Lê Thị Ni	Na	01/05/2000	Đà Nẵng	0685	
18	Đinh Thế	Nam	16/09/2000	Đồng Nai	0686	
19	Đoàn Văn	Nam	02/05/1971	Tp. HCM	0687	
20	Lê	Nam	28/06/1984	Tp. HCM	0688	
21	Lê Hoàng	Nam	03/06/1993	Tp. HCM	0689	
22	Nguyễn Hồng	Nam	17/01/1975	Tp. HCM	0690	
23	Nguyễn Hường	Nam	22/04/1962	Gia Lai	0691	
24	Nguyễn Trần Phương	Nam	10/02/2000	Tp. HCM	0692	
25	Đặng Dương Ngọc	Nga	25/08/1999	Tp. HCM	0693	
26	Đặng Thị Thanh	Nga	06/06/1989	Tp. HCM	0694	
27	Dương Thị Vân	Nga	12/07/1981	Tp. HCM	0695	
28	Hồ Huỳnh Thanh Thúy	Nga	30/06/1997	Tp. HCM	0696	
29	Lê Thị Kiều	Nga	11/09/1995	Tp. HCM	0697	
30	Nguyễn Thị	Nga	07/08/1995	Tp. HCM	0698	
31	Trương Thị Nguyệt	Nga	22/04/2000	Tp. HCM	0699	
32	Bùi Nguyễn Thúy	Ngân	05/07/1996	Tp. HCM	0700	
33	Bùi Thị Hữu	Ngân	04/09/1999	Tp. HCM	0701	
34	Huỳnh Thị	Ngân	30/04/1994	Đà Nẵng	0702	
35	Lê Trần Minh	Ngân	21/11/1997	Tp. HCM	0703	
36	Lưu Ngọc	Ngân	18/02/2000	Tp. HCM	0704	
37	Ngô Xuân Kim	Ngân	02/05/1999	Tp. HCM	0705	
38	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	16/02/1997	Tp. HCM	0706	
39	Nguyễn Thanh	Ngân	02/02/1998	Tp. HCM	0707	
40	Nguyễn Thị	Ngân	11/03/1996	Tp. HCM	0708	
41	Nguyễn Thị Kim	Ngân	06/09/2000	Tp. HCM	0709	
42	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	19/10/1998	Tp. HCM	0710	

43	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	25/08/1996	Tp. HCM	0711	
44	Tăng Mỹ	Ngân	12/02/2000	Tp. HCM	0712	
45	Trần Kim	Ngân	28/11/2000	Tp. HCM	0713	
46	Trần Thị Bảo	Ngân	28/03/2000	Tp. HCM	0714	
47	Trần Thị Kim	Ngân	04/07/2000	Tp. HCM	0715	
48	Trịnh Thị Bảo	Ngân	13/05/1999	Tp. HCM	0716	
49	Võ Thị Kim	Ngân	02/01/1998	Đà Nẵng	0717	
50	Quách Tú	Nghi	29/10/2000	Tp. HCM	0718	
51	Đỗ Hữu	Nghĩa	19/03/1988	Long An	0719	
52	Trần Đại	Nghĩa	12/05/1996	Gia Lai	0720	
53	Trần Tuấn	Nghĩa	22/12/1997	Tp. HCM	0721	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 18 (Khu vực phía Nam)

(Phòng A 4.3 - Từ SBD 0722 đến 0774)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lương Văn	Nghiệp	30/11/1984	Đà Nẵng	0722	
2	Huỳnh Phương	Ngoan	15/08/1997	Tp. HCM	0723	
3	Nguyễn Văn	Ngoan	05/03/1987	Tp. HCM	0724	
4	Đỗ Bùi Bảo	Ngọc	24/04/1999	Tp. HCM	0725	
5	Đỗ Hồng	Ngọc	04/05/1997	Tp. HCM	0726	
6	Hoàng Thị Bích	Ngọc	20/02/1998	Tp. HCM	0727	
7	Huỳnh Thị Mỹ	Ngọc	24/03/1990	Bình Dương	0728	
8	Huỳnh Thùy Lan	Ngọc	02/09/1995	Tp. HCM	0729	
9	Lê Kim Bảo	Ngọc	17/09/2000	Tp. HCM	0730	
10	Lê Phùng Bảo	Ngọc	09/05/1997	Tp. HCM	0731	
11	Lê Phương Bảo	Ngọc	15/10/1989	Tp. HCM	0732	
12	Lê Thị Bích	Ngọc	30/03/1999	Tp. HCM	0733	
13	Ngô Bảo	Ngọc	18/05/1996	Tp. HCM	0734	
14	Nguyễn Kiều Diễm	Ngọc	20/08/2000	Tp. HCM	0735	
15	Nguyễn Thị	Ngọc	12/08/1997	Tp. HCM	0736	
16	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	26/03/1996	Phú Yên	0737	
17	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	01/01/1995	Tp. HCM	0738	
18	Nguyễn Võ Bảo	Ngọc	26/07/1999	Tp. HCM	0739	
19	Phạm Minh	Ngọc	04/02/2000	Tp. HCM	0740	
20	Phạm Thị	Ngọc	08/04/1996	Tp. HCM	0741	



21	Quách Như	Ngọc	18/04/1998	Tp. HCM	0742	
22	Thái Thị Thanh	Ngọc	06/09/1998	Tp. HCM	0743	
23	Trần Ánh	Ngọc	15/04/1999	BR-VT	0744	
24	Trần Lê Như	Ngọc	26/06/1999	Tp. HCM	0745	
25	Trần Minh	Ngọc	14/08/1990	Tp. HCM	0746	
26	Trần Thị	Ngọc	12/07/1995	Tp. HCM	0747	
27	Trần Thị Ánh	Ngọc	20/05/1997	Tp. HCM	0748	
28	Trần Thị Hồng	Ngọc	17/06/1999	Tp. HCM	0749	
29	Trần Thụy Bích	Ngọc	02/04/1977	Tp. HCM	0750	
30	Trần Yến	Ngọc	16/06/2000	Tp. HCM	0751	
31	Đàm Ngọc	Nguyên	20/04/1987	Đồng Nai	0752	
32	Hà Việt Anh	Nguyên	12/06/1987	Tp. HCM	0753	
33	Hoàng Bá Phúc	Nguyên	28/02/1999	Tp. HCM	0754	
34	Hoàng Thị Minh	Nguyên	09/07/1995	Tp. HCM	0755	
35	Lê Công	Nguyên	27/11/1993	Gia Lai	0756	
36	Lê Thị Thảo	Nguyên	21/09/1999	Bến Tre	0757	
37	Lý Hồng	Nguyên	17/06/1985	Tp. HCM	0758	
38	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	14/08/1992	Tp. HCM	0759	
39	Thái Bảo	Nguyên	27/08/1996	Đồng Nai	0760	
40	Võ Khôi	Nguyên	06/10/1997	Long An	0761	
41	Nguyễn Chí	Nguyên	20/04/1996	Cần Thơ	0762	
42	Trần Văn	Nguyên	10/01/1981	Tp. HCM	0763	
43	Đặng Thị Thúy	Nguyệt	24/01/1999	Tp. HCM	0764	
44	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	07/10/1999	Tp. HCM	0765	
45	Trần Thị Như	Nguyệt	12/10/2000	Tp. HCM	0766	
46	Lê Bá	Nhã	17/05/1995	Đà Nẵng	0767	
47	Nguyễn Thanh	Nhã	29/07/2000	Tp. HCM	0768	
48	Đặng Thị	Nhàn	25/02/1999	Tp. HCM	0769	
49	Mai Thị	Nhàn	28/06/1990	Tp. HCM	0770	
50	Nguyễn Thị Hương	Nhàn	29/11/1986	Tp. HCM	0771	
51	Phạm Thanh	Nhàn	17/07/1988	Tp. HCM	0772	
52	Trương Ngọc Thanh	Nhàn	02/06/2000	Tp. HCM	0773	
53	Nguyễn Trọng	Nhân	24/09/2000	Bình Dương	0774	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 19 (Khu vực phía Nam)

(Phòng B 1.1 - Từ SBD-0775 đến 0827)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trần Thị Hạnh	Nhân	26/01/1998	Tp. HCM	0775	
2	K'	Nhân	18/10/1991	Tp. HCM	0776	
3	Nguyễn Thảo	Nhật	04/11/1996	Tp. HCM	0777	
4	Quế Tiến	Nhật	08/04/1992	Tp. HCM	0778	
5	Dương Thị Phương	Nhi	20/02/1999	Tp. HCM	0779	
6	Hạ Uyển	Nhi	01/06/1997	Tp. HCM	0780	
7	Nguyễn Hoàng	Nhi	08/01/2000	Tp. HCM	0781	
8	Nguyễn Thị Thái	Nhi	04/02/1994	Tp. HCM	0782	
9	Phạm Thị	Nhi	12/07/2000	Tp. HCM	0783	
10	Phạm Thị	Nhi	26/07/1997	Tp. HCM	0784	
11	Quách Khả	Nhi	26/04/1997	Tp. HCM	0785	
12	Trần Tuyết	Nhi	17/01/1998	Tp. HCM	0786	
13	Trần Võ Thảo	Nhi	05/07/2000	Tp. HCM	0787	
14	Huỳnh Dương Hà	Nhiên	09/10/1999	Tp. HCM	0788	
15	Mai Thanh	Nho	05/03/1970	Tp. HCM	0789	
16	Lê Hiền	Như	02/08/2000	Tp. HCM	0790	
17	Lê Thùy	Như	06/10/1980	Tp. HCM	0791	
18	Mai Hoàng	Như	31/10/2000	Tp. HCM	0792	
19	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	29/08/1999	Tp. HCM	0793	
20	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	11/03/1997	Tp. HCM	0794	
21	Phạm Hoàng	Như	29/09/1999	Tp. HCM	0795	
22	Phạm Thị Huỳnh	Như	21/02/1999	Tp. HCM	0796	
23	Phạm Thị Quỳnh	Như	26/04/1997	Tp. HCM	0797	
24	Trần Thị Mỹ	Như	07/03/1996	Tp. HCM	0798	
25	Trương Phạm Thanh	Như	10/11/1999	Tp. HCM	0799	
26	Từ Quỳnh	Như	24/05/1999	Tp. HCM	0800	
27	Võ Ngọc	Như	17/11/1999	Đồng Nai	0801	
28	Nguyễn Thị Ngọc	Như	13/06/1997	Tp. Huế	0802	
29	Võ Văn	Nhuận	09/08/1974	Tây Ninh	0803	
30	Đinh Ngọc	Nhung	09/01/2000	Tp. HCM	0804	
31	Lê Thị	Nhung	15/11/1992	Tp. HCM	0805	
32	Lê Thị Hồng	Nhung	11/07/1999	Đồng Nai	0806	
33	Nguyễn Thị	Nhung	12/09/1993	Đà Nẵng	0807	



34	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/05/1995	Tp. HCM	0808	
35	Nguyễn Trang Hồng	Nhung	31/10/1999	Tp. HCM	0809	
36	Phạm Thị Hồng	Nhung	28/03/2000	Tp. HCM	0810	
37	Phạm Thị Tuyết	Nhung	24/02/1999	Tp. HCM	0811	
38	Trần Cẩm	Nhung	15/11/2000	Tp. HCM	0812	
39	Trần Trang	Nhung	12/12/1989	Tp. HCM	0813	
40	Nguyễn Thị Trang	Nhung	16/11/1999	Hà Tĩnh	0814	
41	Nguyễn Đào Duy	Nhựt	03/02/1995	Tp. HCM	0815	
42	La Thị	Ni	04/11/1995	Tp. HCM	0816	
43	Nguyễn Văn	Nil	29/11/1996	Hậu Giang	0817	
44	Phạm Thái	Ninh	05/08/1993	Tp. HCM	0818	
45	Võ Thị My	Ny	13/01/1998	Tp. HCM	0819	
46	Đỗ Hoàng	Oanh	02/03/1984	Bình Dương	0820	
47	Lê Thị Kiều	Oanh	19/05/1995	Tp. HCM	0821	
48	Nguyễn Kim	Oanh	11/04/1993	Tp. HCM	0822	
49	Nguyễn Thị	Oanh	18/08/1997	Tp. HCM	0823	
50	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	01/01/2000	Tp. HCM	0824	
51	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	02/02/1999	Tp. HCM	0825	
52	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	26/06/1996	Tp. HCM	0826	
53	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	01/01/2000	Quảng Nam	0827	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 20 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 1.3 - Từ SBD 0828 đến 0880)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Phái Thị Hoàng	Oanh	03/06/1994	Tp. HCM	0828	
2	Huỳnh Tấn	Phát	12/12/1990	Tp. HCM	0829	
3	Nguyễn Thành	Phát	03/03/1999	Đồng Nai	0830	
4	Nguyễn Võ Hồng	Phát	21/01/1995	Tp. HCM	0831	
5	Đỗ Thị Tứ	Phi	27/11/1999	Tp. HCM	0832	
6	Trần Sông	Phố	22/08/1998	Tp. HCM	0833	
7	Bùi Thanh	Phong	07/02/1976	Tp. HCM	0834	
8	Hồ Thanh	Phong	01/01/1979	Cần Thơ	0835	
9	Hồ Văn	Phong	20/11/1964	Tp. HCM	0836	
10	Nguyễn Tấn	Phong	30/08/1981	Tp. HCM	0837	
11	Nguyễn Văn	Phong	04/09/1997	Tp. HCM	0838	

12	Nguyễn Văn	Phong	06/06/1980	Đồng Nai	0839	
13	Trần Văn	Phong	26/06/1999	Tp. Hà Nội	0840	
14	Đỗ Hải	Phong	01/10/1977	Tp. Hà Nội	0841	
15	Lê Văn	Phú	22/02/1997	Tp. HCM	0842	
16	Trần Hoàng	Phú	22/05/1987	Vĩnh Long	0843	
17	Dương Diễm	Phúc	16/08/1994	Bạc Liêu	0844	
18	Hồ Trọng	Phúc	10/08/1992	Bình Dương	0845	
19	Huỳnh Minh	Phúc	26/04/1997	Tp. HCM	0846	
20	Nguyễn Duy	Phúc	28/09/1997	Tp. HCM	0847	
21	Nguyễn Hoàn Gia	Phúc	12/02/1975	Tp. HCM	0848	
22	Nguyễn Thành	Phúc	30/06/1996	Bình Dương	0849	
23	Nguyễn Xuân	Phúc	11/05/1972	BR-VT	0850	
24	Trương Phan Cao Hoàng	Phúc	29/10/1997	Tp. HCM	0851	
25	Huỳnh Hiệp	Phục	03/02/2000	Tp. HCM	0852	
26	Đặng Thị	Phụng	05/02/1979	Tp. HCM	0853	
27	Hồ Thị Kim	Phước	02/08/1993	Tp. HCM	0854	
28	Lê Phan	Phước	05/02/1996	Tp. HCM	0855	
29	Lý Hồng	Phước	14/07/1967	Cần Thơ	0856	
30	Phạm Hoàng	Phước	19/06/1996	Long An	0857	
31	Trần Ngọc	Phước	20/02/1968	Tp. HCM	0858	
32	Trương Quý	Phước	30/08/1993	Tp. HCM	0859	
33	Bùi Thị Huệ	Phương	17/07/1996	Tp. HCM	0860	
34	Đàng Thanh	Phương	13/09/1995	Tp. HCM	0861	
35	Đỗ Quang	Phương	22/10/1998	Long An	0862	
36	Đỗ Thị	Phương	26/01/1991	Tp. HCM	0863	
37	Hoàng Bích	Phương	10/12/1997	Tp. HCM	0864	
38	Huỳnh Thanh	Phương	01/01/1974	Vĩnh Long	0865	
39	Lê Đình Quốc	Phương	01/08/1980	Quảng Ngãi	0866	
40	Lê Nguyễn Cẩm	Phương	28/07/2000	Tp. HCM	0867	
41	Lê Thị	Phương	20/12/1982	Đắk Lắk	0868	
42	Lê Thị Thu	Phương	14/04/2000	Đà Nẵng	0869	
43	Lê Uyên	Phương	08/07/1999	Tp. HCM	0870	
44	Mai Hùng	Phương	20/02/1988	Long An	0871	
45	Nguyễn Đăng Khánh	Phương	15/11/2000	Tp. HCM	0872	

46	Nguyễn Hoàng	Phương	02/04/1999	Hậu Giang	0873	
47	Nguyễn Lê Nam	Phương	17/10/1997	Tp. HCM	0874	
48	Nguyễn Mai	Phương	27/02/2000	Tp. HCM	0875	
49	Nguyễn Thị Hoài	Phương	06/04/1999	Tp. HCM	0876	
50	Nguyễn Thị Hồng	Phương	22/07/1979	Tp. HCM	0877	
51	Nguyễn Thị Thu	Phương	16/07/1995	Tp. HCM	0878	
52	Nguyễn Thị Tuyết	Phương	27/03/1991	Tp. HCM	0879	
53	Nguyễn Thoại Yến	Phương	11/09/1996	Tp. HCM	0880	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 21 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.2 - Từ SBD 0881 đến 0913)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Uyên Minh	Phương	29/01/1976	Tp. HCM	0881	
2	Nguyễn Văn	Phương	26/07/2000	Tp. HCM	0882	
3	Phạm Duy	Phương	29/04/2000	Tp. HCM	0883	
4	Phạm Ngọc Nhất	Phương	17/09/1999	Tp. HCM	0884	
5	Phạm Thị	Phương	22/10/1999	Tp. HCM	0885	
6	Phạm Thị Minh	Phương	20/12/2000	Tp. HCM	0886	
7	Phan Thị Thảo	Phương	25/01/1996	Tp. HCM	0887	
8	Trần Lam	Phương	02/11/1997	Tp. HCM	0888	
9	Trần Nguyễn Thanh	Phương	08/10/1999	Tp. HCM	0889	
10	Trần Thị	Phương	07/11/1994	Tp. HCM	0890	
11	Trần Thị Thu	Phương	06/10/1995	Đà Nẵng	0891	
12	Vũ Nguyễn Hoài	Phương	11/09/1996	Đồng Nai	0892	
13	Trần Thị Quế	Phương	26/07/1983	Tp. Hà Nội	0893	
14	Lưu Ngọc	Phượng	22/03/1984	Lâm Đồng	0894	
15	Vũ Hoàng Kim	Phượng	08/09/2000	Tp. HCM	0895	
16	Trịnh Minh	Qua	06/07/1986	Tp. HCM	0896	
17	Nguyễn Hồng	Quân	06/06/1994	Tp. HCM	0897	
18	Nguyễn Trung	Quân	12/12/1999	Tp. HCM	0898	
19	Phạm Hồng	Quân	24/12/1998	Tp. HCM	0899	
20	Phạm Minh	Quân	02/09/2000	Đắk Lắk	0900	
21	Võ Hoàng	Quân	30/06/1991	Phú Yên	0901	
22	Nguyễn Minh	Quân	18/01/1994	Tp. Hà Nội	0902	
23	Vũ Duy	Quang	31/05/1999	Tp. HCM	0903	
24	Nguyễn Nhật	Quang	05/06/1997	Tp. HCM	0904	
25	Nguyễn Tấn	Quang	22/08/1984	Tp. HCM	0905	

26	Phan Lê Thanh	Quang	24/02/1994	Tp. HCM	0906	
27	Trần Đăng	Quang	21/10/1996	Tp. HCM	0907	
28	Trần Quốc	Quang	27/06/1992	Long An	0908	
29	Vương Văn	Quang	04/08/2000	Tp. HCM	0909	
30	Lê Thanh	Qui	18/06/2001	Tp. HCM	0910	
31	Phạm Tô Minh	Quốc	24/07/1997	Tp. HCM	0911	
32	Phạm Văn Bảo	Quốc	24/08/1977	Tp. HCM	0912	
33	Trần Hữu	Quốc	10/11/1980	Tp. HCM	0913	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 22 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.6 - Từ SBD 0914 đến 0946)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Võ Thụy Tam	Quy	08/11/1976	Tp. HCM	0914	
2	Lê Thị Minh	Quý	30/06/1993	Tp. HCM	0915	
3	Nguyễn Thị Xuân	Quý	10/09/1986	Tp. HCM	0916	
4	Nguyễn Văn	Quý	10/02/1991	Tp. HCM	0917	
5	Đào Minh	Quyên	06/12/1998	Tp. HCM	0918	
6	Đinh Thị Tố	Quyên	22/12/1993	Quảng Nam	0919	
7	Huỳnh Thục	Quyên	01/01/1995	Khánh Hòa	0920	
8	Lê Hoàng Nữ Tố	Quyên	10/04/1998	Tp. HCM	0921	
9	Lê Thị Ngọc	Quyên	25/02/1999	Tp. HCM	0922	
10	Lưu Tú	Quyên	14/12/1996	Tp. HCM	0923	
11	Nguyễn Thị Hoàng	Quyên	15/11/1999	Tp. HCM	0924	
12	Nguyễn Thị Trúc	Quyên	05/11/2000	Tp. HCM	0925	
13	Nguyễn Thị	Quyên	09/09/1996	Tp. HCM	0926	
14	Nguyễn Trọng	Quyên	11/04/1983	Bến Tre	0927	
15	Lê Văn	Quyết	05/05/1984	Tp. HCM	0928	
16	Đinh Thị Ngân	Quỳnh	09/06/1995	Tp. HCM	0929	
17	Đỗ Hương	Quỳnh	22/05/1992	Bình Thuận	0930	
18	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	13/10/1994	Tp. HCM	0931	
19	Nguyễn Dương	Quỳnh	26/02/1999	Tp. HCM	0932	
20	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	12/07/2000	Tây Ninh	0933	
21	Phạm Hoàng Phương	Quỳnh	19/12/1995	Tp. HCM	0934	
22	Phạm Thế	Quỳnh	09/11/1990	Tp. HCM	0935	
23	Trần Ngọc Như	Quỳnh	03/09/1997	Tp. HCM	0936	
24	Trần Thuý	Quỳnh	18/09/2000	Tp. HCM	0937	
25	Vũ Thị Ngọc	Quỳnh	22/08/1996	BR-VT	0938	

ĐỒI
ẬT S
N Q
★

26	Nguyễn Đình	San	25/08/2000	Tp. HCM	0939	
27	Đỗ Hoàng	Sang	28/01/1999	Tp. HCM	0940	
28	Đỗ Thanh	Sang	23/12/1982	Tp. HCM	0941	
29	Lâm Tuấn	Sang	06/10/1998	Tp. HCM	0942	
30	Mai Phú	Sang	02/10/1991	Tp. HCM	0943	
31	Nguyễn Đình Quốc	Sang	05/11/1995	Tp. HCM	0944	
32	Tăng	Sêng	15/01/1997	Tp. HCM	0945	
33	Phạm Tiến	Sĩ	28/08/1996	Cần Thơ	0946	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 23 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.1 - Từ SBD 0947 đến 0999)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Hùng	Sinh	06/04/1999	Tp. HCM	0947	
2	Hoàng Văn	Sơn	14/09/1988	Tp. HCM	0948	
3	Lê Tấn Phi	Sơn	15/01/1973	BR-VT	0949	
4	Lê Thanh	Sơn	20/07/1969	Đắk Lắk	0950	
5	Lê Viết Hoàng	Sơn	06/08/1996	Tp. HCM	0951	
6	Mai Điền	Sơn	28/08/1996	Tp. HCM	0952	
7	Nguyễn Danh	Sơn	18/03/1992	Tp. HCM	0953	
8	Nguyễn Hồng	Sơn	19/02/1997	Kon Tum	0954	
9	Nguyễn Thanh	Sơn	16/08/1983	Tp. HCM	0955	
10	Nguyễn Thị Thanh	Sơn	18/08/2000	Tp. HCM	0956	
11	Phạm Ngọc	Sơn	30/06/1996	Tp. HCM	0957	
12	Thiệu Anh	Sơn	28/12/1997	Tp. HCM	0958	
13	Trần Hoàng	Sơn	10/08/1977	Đồng Tháp	0959	
14	Trần Hồng	Sơn	17/12/1999	Tp. HCM	0960	
15	Lê Thị Tuyết	Sương	04/03/1997	Tp. HCM	0961	
16	Trần Minh	Sướng	26/11/1992	Tp. HCM	0962	
17	Lý Văn	Tài	15/08/1990	Bình Dương	0963	
18	Nguyễn Phùng Đức	Tài	24/10/1999	Tp. HCM	0964	
19	Phạm Xuân	Tài	01/11/1998	Tp. HCM	0965	
20	Đặng Minh	Tài	06/08/1994	Tp. HCM	0966	
21	Nguyễn Hiếu	Tài	20/06/1999	Tp. HCM	0967	
22	Đỗ Huỳnh Thanh	Tâm	20/11/1987	Tp. HCM	0968	
23	Đỗ Minh	Tâm	19/10/1995	Tp. HCM	0969	

24	Hoàng Minh	Tâm	03/05/1997	Tp. HCM	0970	
25	Hồ Thị Thanh	Tâm	20/09/2000	Tp. HCM	0971	
26	Lê Công Thành	Tâm	26/11/1992	Đắk Lắk	0972	
27	Lê Khánh	Tâm	21/04/1994	Tp. HCM	0973	
28	Lê Thị Thanh	Tâm	22/02/1995	Tp. HCM	0974	
29	Ngô Bội	Tâm	24/07/1998	Tp. HCM	0975	
30	Nguyễn Đặng Phương	Tâm	18/04/1973	Gia Lai	0976	
31	Nguyễn Lê Liên	Tâm	24/01/2000	Tp. HCM	0977	
32	Nguyễn Minh	Tâm	16/09/1983	Tp. HCM	0978	
33	Nguyễn Minh	Tâm	02/11/1993	Tp. HCM	0979	
34	Tô Võ Yến	Tâm	10/08/1999	Tp. HCM	0980	
35	Trần Minh	Tâm	10/01/1989	Kiên Giang	0981	
36	Trần Thị Thanh	Tâm	02/04/2000	Tp. HCM	0982	
37	Cao Hồng	Tâm	22/07/1999	Tp. Hà Nội	0983	
38	Bùi Ngọc	Tân	10/08/1986	BR-VT	0984	
39	Huỳnh Duy	Tân	19/11/1983	Tp. HCM	0985	
40	Lâm Duy	Tân	05/05/1989	Tp. HCM	0986	
41	Lâm Minh	Tân	08/12/1997	Tp. HCM	0987	
42	Lâm Ngọc	Tân	10/08/1992	Kiên Giang	0988	
43	Phạm Minh	Tân	24/04/1992	Tp. HCM	0989	
44	Triết K	Tân	18/06/1992	Lâm Đồng	0990	
45	Lê Văn	Tân	24/04/1988	Vĩnh Long	0991	
46	Nguyễn Ngọc	Tân	12/05/1976	Tp. HCM	0992	
47	Nguyễn Thanh	Tân	21/01/1999	Tp. HCM	0993	
48	Phạm Công	Tàu	10/10/1989	Đà Nẵng	0994	
49	Đình Văn	Thạch	26/11/1990	Tp. HCM	0995	
50	Lê Đình Hoàng	Thái	28/02/1998	Tp. HCM	0996	
51	Lê Phú Quốc	Thái	01/02/1999	Tp. HCM	0997	
52	Nguyễn Ngọc	Thái	20/10/1998	Đà Nẵng	0998	
53	Phan Nguyễn Hoàng	Thái	06/03/1999	Tp. HCM	0999	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 24 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.3 - Từ SBD 1000 đến 1052)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trần Văn	Thái	16/08/1990	Tp. HCM	1000	

2	Nguyễn Thị	Thắm	12/06/1999	Tp. HCM	1001	
3	Bùi Thị Hồng	Thắm	17/03/1998	Tp. HCM	1002	
4	Hà Thị Diệu	Thắm	02/01/1999	Tp. HCM	1003	
5	Nguyễn Thị Thu	Thắm	20/04/1999	Tp. HCM	1004	
6	Đoàn Văn	Thắng	10/03/1983	Tp. HCM	1005	
7	Lê Quyết	Thắng	16/01/1998	Tp. HCM	1006	
8	Lương Xuân	Thắng	07/08/1997	Tp. HCM	1007	
9	Nguyễn Đức	Thắng	05/09/1973	Tp. HCM	1008	
10	Nguyễn Ngọc	Thắng	04/01/1995	Cần Thơ	1009	
11	Nguyễn Ngọc	Thắng	14/02/1985	Tp. HCM	1010	
12	Nguyễn Phúc Vĩnh	Thắng	03/07/1978	Tp. HCM	1011	
13	Phạm Bình	Thắng	14/07/1989	Tp. HCM	1012	
14	Quảng Đại	Thắng	10/05/1998	Tp. HCM	1013	
15	Trần Hữu	Thắng	17/10/1995	Tp. HCM	1014	
16	Đỗ Minh	Thanh	03/02/1995	An Giang	1015	
17	Đoàn Thái	Thanh	01/01/1999	Tp. HCM	1016	
18	Lê Thị Hồng	Thanh	02/12/2000	Tp. HCM	1017	
19	Lê Thị Lan	Thanh	29/04/1970	Tiền Giang	1018	
20	Ngô Thụy Uyên	Thanh	11/04/1996	Tp. HCM	1019	
21	Nguyễn Ngọc	Thanh	23/12/1999	Tp. HCM	1020	
22	Nguyễn Nhật	Thanh	16/11/1983	BR-VT	1021	
23	Nguyễn Thị	Thanh	05/11/1981	Tp. HCM	1022	
24	Nguyễn Thị Phương	Thanh	21/02/1995	Tp. HCM	1023	
25	Trần Thị Thanh	Thanh	30/11/1994	Tp. HCM	1024	
26	Võ Chí	Thanh	10/10/2000	Tp. HCM	1025	
27	Bùi Minh	Thành	09/11/1996	Tp. HCM	1026	
28	Đặng Trọng	Thành	02/08/1998	Tp. HCM	1027	
29	Lê Tấn	Thành	27/09/1973	Tp. HCM	1028	
30	Lê Trí	Thành	12/12/1969	BR-VT	1029	
31	Nguyễn Kim Nhật	Thành	20/10/1988	Tp. HCM	1030	
32	Trương Công	Thành	11/01/1998	Tp. HCM	1031	
33	Vũ Thị Phúc	Thành	04/04/1986	Tp. Hải Phòng	1032	
34	Nguyễn Hữu	Thanh	02/01/1993	Tp. HCM	1033	
35	Lê Hồng	Thao	03/01/1970	Đồng Nai	1034	

36	Nguyễn Thị	Thao	28/05/1999	Tp. HCM	1035	
37	Bùi Thị Thu	Thảo	01/01/1997	Lâm Đồng	1036	
38	Đặng Hoàng Yên	Thảo	13/10/1997	Tp. HCM	1037	
39	Đặng Lê Ngọc	Thảo	12/05/1999	Tp. HCM	1038	
40	Đinh Thị Thu	Thảo	20/09/1995	Tp. HCM	1039	
41	Đoàn Ngọc Phương	Thảo	01/12/1999	Tp. HCM	1040	
42	Dương Thị Phương	Thảo	18/06/1996	Tp. HCM	1041	
43	Hà Thị	Thảo	24/02/1997	Tp. HCM	1042	
44	Hoàng Thị Thu	Thảo	16/06/1997	Tp. HCM	1043	
45	Lâm Chí	Thảo	26/11/1980	Tp. HCM	1044	
46	Lê Thanh	Thảo	14/08/1999	Tp. HCM	1045	
47	Lê Thị	Thảo	02/07/1999	Tp. HCM	1046	
48	Nguyễn Huỳnh Thanh	Thảo	22/06/1996	Tp. HCM	1047	
49	Nguyễn Linh	Thảo	01/11/2000	Tp. HCM	1048	
50	Nguyễn Thị	Thảo	05/10/2000	Tp. HCM	1049	
51	Nguyễn Thị Diệu	Thảo	04/06/1998	Tp. HCM	1050	
52	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/11/1998	Tp. HCM	1051	
53	Nguyễn Thị Phương	Thảo	11/10/1997	Tp. HCM	1052	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 25 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.2 - Từ SBD 1053 đến 1085)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Phương	Thảo	09/01/2000	Tp. HCM	1053	
2	Nông Thị	Thảo	15/08/1990	Đắk Lắk	1054	
3	Phạm Thị Phương	Thảo	31/12/1995	Tp. HCM	1055	
4	Phạm Thị Thu	Thảo	26/12/1999	Tp. HCM	1056	
5	Tạ Phương	Thảo	17/11/1999	Tp. HCM	1057	
6	Tô Thị Thu	Thảo	24/02/2000	Tp. HCM	1058	
7	Trần Hồ Thu	Thảo	20/08/2000	Tp. HCM	1059	
8	Trần Minh	Thảo	16/05/1999	Tp. HCM	1060	
9	Trần Minh	Thảo	19/09/1998	Tp. HCM	1061	
10	Trần Nguyễn Thanh	Thảo	27/12/2000	Tp. HCM	1062	
11	Trần Thị	Thảo	16/10/1988	BR-VT	1063	
12	Trương Thị Mai	Thảo	06/06/1990	Cần Thơ	1064	
13	Võ Thị Thu	Thảo	04/08/2000	Tp. HCM	1065	
14	Vũ Phạm Phương	Thảo	10/09/1978	Tp. HCM	1066	

15	Vũ Thị	Thảo	04/03/1998	Tp. HCM	1067	
16	Nguyễn Thị Thu	Thảo	18/03/2000	Tp. Huế	1068	
17	Lê Thời	Thế	08/02/1999	Tp. HCM	1069	
18	Hà Sỹ	Thi	28/06/1992	Tp. HCM	1070	
19	Thạch Hoách	Thi	08/09/1996	Tp. HCM	1071	
20	Võ Thị Phương	Thi	22/03/1993	Tp. HCM	1072	
21	Huỳnh Công	Thiện	13/08/1983	Đồng Nai	1073	
22	Lương	Thiện	10/09/1990	Long An	1074	
23	Nguyễn Đức	Thiện	15/04/1999	Tp. HCM	1075	
24	Nguyễn Minh	Thiện	03/11/1990	Tp. HCM	1076	
25	Nguyễn Thị	Thiện	23/08/1998	Tp. HCM	1077	
26	Huỳnh Hoàng	Thịnh	16/07/2000	Tp. HCM	1078	
27	Huỳnh Quang	Thịnh	01/02/1997	Tp. HCM	1079	
28	Nguyễn Đức	Thịnh	16/09/1999	Tp. HCM	1080	
29	Nguyễn Phong	Thịnh	26/01/1995	Khánh Hòa	1081	
30	Nguyễn Văn	Thịnh	26/03/1998	Đà Nẵng	1082	
31	Trần Hữu	Thịnh	21/08/2000	Tp. HCM	1083	
32	Trần Quang	Thịnh	18/06/1997	Đà Nẵng	1084	
33	Lương Thị Ngọc	Thơ	27/11/1997	Tp. HCM	1085	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 26 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.4 - Từ SBD 1086 đến 1118)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trương Ngọc	Thơ	13/06/1985	Long An	1086	
2	Ngô Thị Kim	Thoa	22/01/1984	Tp. HCM	1087	
3	Nguyễn Kim	Thoa	11/12/1999	Quảng Nam	1088	
4	Nguyễn Thị	Thơm	25/04/1995	Tp. HCM	1089	
5	Đỗ Thị Cao	Thông	21/03/1999	Gia Lai	1090	
6	Hồ Đức	Thông	21/10/1996	Tp. HCM	1091	
7	Nguyễn Trường Truyền	Thống	06/10/1999	Tp. HCM	1092	
8	Đỗ Thị Hoài	Thu	19/02/1995	Tp. HCM	1093	
9	Lê Thị Ngọc	Thu	24/12/1995	Cần Thơ	1094	
10	Nguyễn Thị Bích	Thu	16/11/1993	Tp. HCM	1095	
11	Phan Công	Thu	28/11/1980	BR-VT	1096	
12	Huỳnh Anh	Thư	19/05/2000	Tp. HCM	1097	
13	Nguyễn Anh	Thư	11/05/1998	Tp. HCM	1098	

14	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	27/04/2000	Tp. HCM	1099	
15	Nguyễn Minh	Thư	15/01/1989	Tp. HCM	1100	
16	Nguyễn Thanh	Thư	09/09/1995	Tp. HCM	1101	
17	Nguyễn Thị Anh	Thư	28/03/1979	Cần Thơ	1102	
18	Nguyễn Thị Anh	Thư	08/12/1997	Tp. HCM	1103	
19	Nguyễn Thị Minh	Thư	22/03/1997	Tp. HCM	1104	
20	Nguyễn Thị Vân	Thư	12/08/1994	Khánh Hòa	1105	
21	Nguyễn Thương	Thư	02/10/2000	Tp. HCM	1106	
22	Nguyễn Trần Bảo	Thư	20/06/1999	Tp. HCM	1107	
23	Phạm Lê Minh	Thư	23/02/1999	Tp. HCM	1108	
24	Phạm Quỳnh	Thư	30/03/2000	Đắk Nông	1109	
25	Phạm Thị Nguyên	Thư	20/10/1999	Tp. HCM	1110	
26	Sử Thị Kim	Thư	02/09/2000	Bình Dương	1111	
27	Trần Anh	Thư	04/06/1997	Trà Vinh	1112	
28	Trần Thị Anh	Thư	12/10/1985	Tp. HCM	1113	
29	Trương Anh	Thư	03/06/1998	Tp. HCM	1114	
30	Võ Thái Minh	Thư	25/05/2000	Tp. HCM	1115	
31	Võ Thị Minh	Thư	19/09/1998	Tp. HCM	1116	
32	Vũ Thị Anh	Thư	11/12/2000	Tp. HCM	1117	
33	Phạm Thiên	Thuận	10/03/1960	Tp. HCM	1118	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 27 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.6 - Từ SBD 1119 đến 1151)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trần Đức	Thuận	31/08/1995	Tp. HCM	1119	
2	Huỳnh Anh	Thuận	12/06/1999	Tp. HCM	1120	
3	Phạm Ngọc	Thuận	24/08/1974	Tp. HCM	1121	
4	Vương Đức	Thuận	23/08/1983	Bình Dương	1122	
5	Nguyễn Thị Hà	Thục	20/01/1998	Tp. HCM	1123	
6	Bùi Trí	Thức	05/10/1992	Tp. HCM	1124	
7	Võ Dương Trường	Thức	02/09/1999	Đồng Nai	1125	
8	Hoàng Văn	Thục	16/02/1995	Đắk Nông	1126	
9	Đỗ Mạnh Thiên	Thương	16/06/1992	Tp. HCM	1127	
10	Hồ Thị	Thương	26/02/1998	Đà Nẵng	1128	
11	Hoàng Thị	Thương	01/02/1986	Tp. HCM	1129	

12	Huỳnh Hoài	Thương	10/09/1995	Tp. HCM	1130	
13	Lê Thị	Thương	09/07/1997	Tp. HCM	1131	
14	Lê Thị Thu	Thương	28/02/1998	Bình Dương	1132	
15	Nguyễn Thị	Thương	17/05/1990	Tp. HCM	1133	
16	Nguyễn Thị	Thương	24/02/1995	Đà Nẵng	1134	
17	Nguyễn Thị Mộng	Thương	16/09/1999	Tp. HCM	1135	
18	Nguyễn Thùy Song	Thương	03/03/2000	Tp. HCM	1136	
19	Phạm Gia	Thương	02/05/1999	Tp. HCM	1137	
20	Phạm Thùy	Thương	26/05/1990	Tp. HCM	1138	
21	Phan Trường	Thương	25/11/1994	Tp. HCM	1139	
22	Trần Ngọc	Thủy	28/03/1994	Tp. HCM	1140	
23	Hoàng Thị Ngọc	Thúy	01/12/1999	Tp. HCM	1141	
24	Mai Thị Phương	Thúy	07/04/1985	Đà Nẵng	1142	
25	Nguyễn Thanh	Thúy	10/10/1974	Kiên Giang	1143	
26	Phạm Thị	Thúy	27/02/1997	Tp. HCM	1144	
27	Trịnh Ngọc Thanh	Thúy	14/09/1998	Tp. HCM	1145	
28	Võ Thị Phương	Thúy	24/01/1999	Tp. HCM	1146	
29	Lê Minh	Thùy	05/03/1989	Bình Thuận	1147	
30	Trần Minh	Thùy	28/08/1998	Tp. HCM	1148	
31	Đoàn Thị	Thủy	13/12/1999	Tp. HCM	1149	
32	Lại Thị	Thủy	25/12/1981	Tp. HCM	1150	
33	Lê Thị Thu	Thủy	13/07/1979	Cần Thơ	1151	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 28 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.1 - Từ SBD 1152 đến 1204)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh	Thủy	06/09/1987	BR-VT	1152	
2	Nguyễn Thị	Thủy	15/08/1996	BR-VT	1153	
3	Nguyễn Thị	Thủy	20/12/1973	Đồng Nai	1154	
4	Nguyễn Thị	Thủy	19/11/1997	Tp. HCM	1155	
5	Trần Thị	Thủy	20/11/1983	BR-VT	1156	
6	Trần Thị Bích	Thủy	20/01/1998	Phú Yên	1157	
7	Trần Thị Lệ	Thủy	29/06/2000	Tp. HCM	1158	
8	Trần Thị Thanh	Thủy	25/09/1997	Tp. HCM	1159	
9	Trần Thị Thanh	Thủy	14/03/2000	Tp. HCM	1160	

10	Trần Thu	Thủy	23/07/1993	Đồng Nai	1161	
11	Vân Trúc	Thủy	10/06/1999	Tp. HCM	1162	
12	Võ Hương	Thủy	06/05/1986	Tp. HCM	1163	
13	Lê Văn	Thuyết	19/09/1998	Tp. HCM	1164	
14	Huỳnh Nhật Xuân	Thy	23/11/1995	Tp. HCM	1165	
15	Bùi Thị Thủy	Tiên	16/07/1998	Tp. HCM	1166	
16	Đỗ Thị Á	Tiên	09/09/1999	Tp. HCM	1167	
17	Hoàng Thị Cẩm	Tiên	16/08/1998	Tp. HCM	1168	
18	Lưu Thị Thủy	Tiên	25/01/1991	Cần Thơ	1169	
19	Mai Thị Cẩm	Tiên	20/06/1992	Tp. HCM	1170	
20	Nguyễn Hoàng Thủy	Tiên	15/02/1999	Tp. HCM	1171	
21	Nguyễn Thị Ái	Tiên	05/04/1999	Tp. HCM	1172	
22	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	15/08/1995	Tp. HCM	1173	
23	Nguyễn Vương Thủy	Tiên	11/04/2000	Đắk Lắk	1174	
24	Phan Thị Thủy	Tiên	01/09/2000	Tp. HCM	1175	
25	Trần Cẩm	Tiên	02/02/1996	Cà Mau	1176	
26	Nguyễn Văn	Tiến	24/03/1978	Bình Dương	1177	
27	Phạm Minh	Tiến	07/08/1991	Tp. HCM	1178	
28	Trần Thành	Tiến	16/11/1999	Tp. HCM	1179	
29	Trần Mạnh	Tiến	23/11/1983	Tp. Hà Nội	1180	
30	Lê Hoàng	Tiến	07/12/1996	Tp. HCM	1181	
31	Nguyễn Minh	Tiến	20/07/1993	Tp. HCM	1182	
32	Mai Trung	Tín	05/05/1999	Tp. HCM	1183	
33	Nguyễn Hữu	Tín	03/03/1998	Tp. HCM	1184	
34	Huỳnh Bá	Tín	20/05/1999	Long An	1185	
35	Trần Văn	Tính	01/01/1991	Cần Thơ	1186	
36	Trần Thị	Tình	02/12/2000	Tp. HCM	1187	
37	Nguyễn Đình	Tĩnh	04/08/1995	Tp. HCM	1188	
38	Lê Thị	Toán	12/06/2000	Tp. HCM	1189	
39	Đỗ Vi	Toàn	01/01/1982	Tp. HCM	1190	
40	Nguyễn Văn	Toàn	01/01/1984	Bình Dương	1191	
41	Trần Ngọc	Toàn	21/05/1986	Đồng Nai	1192	
42	Hoàng Sơn	Trà	20/09/1987	Tp. HCM	1193	
43	Nguyễn Thị Thu	Trà	29/11/2000	Tp. HCM	1194	

44	Châu Ngọc Nữ Hồng	Trâm	03/05/2000	Tp. HCM	1195	
45	Đỗ Thị Bích	Trâm	10/02/1997	Tp. HCM	1196	
46	Nguyễn Ngọc Mai	Trâm	23/11/2000	Tp. HCM	1197	
47	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	15/02/1997	Tp. HCM	1198	
48	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	31/05/1991	Tp. HCM	1199	
49	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	12/03/1993	Tp. HCM	1200	
50	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	24/03/1992	Tp. HCM	1201	
51	Phan Hồng	Trâm	19/10/2000	Cần Thơ	1202	
52	Trần Quỳnh	Trâm	01/06/1997	Tp. HCM	1203	
53	Võ Thị Bích	Trâm	12/08/1997	Hậu Giang	1204	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 29 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.3 - Từ SBD 1205 đến 1257)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	08/08/1996	Tp. HCM	1205	
2	Đinh Hoàng Bảo	Trân	18/09/1999	Tp. HCM	1206	
3	Hồ Diệp	Trân	17/08/1977	Tp. HCM	1207	
4	Huỳnh Thị Bảo	Trân	07/01/1999	Tp. HCM	1208	
5	Lê Bảo	Trân	08/09/1996	Tp. HCM	1209	
6	Lê Duy	Trân	09/08/1995	Bình Thuận	1210	
7	Lê Thị Quế	Trân	15/08/2000	Tp. HCM	1211	
8	Mã Thái	Trân	01/01/1996	Tp. HCM	1212	
9	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	13/05/1982	BR-VT	1213	
10	Nguyễn Lê Bảo	Trân	08/02/1993	Tp. HCM	1214	
11	Phạm Thị Bảo	Trân	16/04/1999	Tp. HCM	1215	
12	Hoàng Thị Thu	Trang	16/06/1997	Tp. HCM	1216	
13	Lê Thị	Trang	11/07/1991	Đắk Lắk	1217	
14	Lê Thị Thùy	Trang	17/05/1999	Tp. HCM	1218	
15	Nguyễn Lưu Khánh	Trang	04/08/1998	Tp. HCM	1219	
16	Nguyễn Ngọc	Trang	25/10/1995	Tp. HCM	1220	
17	Nguyễn Nguyễn Thùy	Trang	03/10/1992	Tp. HCM	1221	
18	Nguyễn Thị	Trang	24/07/1998	Đắk Lắk	1222	
19	Nguyễn Thị Huyền	Trang	16/11/1999	Tp. HCM	1223	
20	Nguyễn Thị Kiều	Trang	01/01/1986	Tp. HCM	1224	
21	Nguyễn Thị Thùy	Trang	08/09/1987	Tp. HCM	1225	

22	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/03/2000	Tp. HCM	1226	
23	Nguyễn Thị Thùy	Trang	07/12/2000	Tp. HCM	1227	
24	Nguyễn Thu	Trang	16/11/1995	Tp. HCM	1228	
25	Nguyễn Thụy Quỳnh	Trang	07/05/1984	Tp. HCM	1229	
26	Phạm Thị Thu	Trang	10/09/1990	BR-VT	1230	
27	Phạm Thị Thu	Trang	14/04/1998	Tp. HCM	1231	
28	Phạm Thị Thùy	Trang	04/08/1997	Tp. HCM	1232	
29	Phạm Vương Ngọc	Trang	21/10/1996	Tp. HCM	1233	
30	Phan Thị Quỳnh	Trang	23/04/1978	Tp. HCM	1234	
31	Phan Thị Thu	Trang	21/05/1999	Tp. HCM	1235	
32	Sỹ Ngọc Thùy	Trang	10/12/1998	Tp. HCM	1236	
33	Tạ Thu	Trang	06/03/2000	Bình Thuận	1237	
34	Trần Thị Hà	Trang	10/09/1996	Đà Nẵng	1238	
35	Trần Thị Thiên	Trang	18/07/1996	Tp. HCM	1239	
36	Trần Thị Thu	Trang	10/12/1997	Tp. HCM	1240	
37	Trần Thị Thu	Trang	25/11/1999	Tp. HCM	1241	
38	Trần Thị Thùy	Trang	06/11/1993	Tp. HCM	1242	
39	Lâm Đức	Tráng	15/12/1985	Tp. HCM	1243	
40	Võ Quốc Cứu	Trạng	10/05/1998	Đồng Nai	1244	
41	Nguyễn Từ Trọng	Trí	08/08/1989	Tp. HCM	1245	
42	Phan Minh	Trí	24/02/1991	Tp. HCM	1246	
43	Trần Văn	Trí	01/01/1997	Tp. HCM	1247	
44	Trịnh Văn	Trí	06/12/1991	Tp. HCM	1248	
45	Nguyễn Thanh	Trị	06/04/1991	Tp. HCM	1249	
46	Ngô Hoàng	Triều	20/02/1995	Đồng Nai	1250	
47	Nguyễn Quốc	Triều	15/10/1997	Tp. HCM	1251	
48	Cù Mỹ	Trinh	20/10/2000	Tp. HCM	1252	
49	Hồ Mộng	Trinh	03/06/1996	Tp. HCM	1253	
50	Lê Thị Ngọc	Trinh	20/12/2000	Tp. HCM	1254	
51	Lê Thu	Trinh	02/11/1994	Tp. HCM	1255	
52	Nguyễn Thị	Trinh	19/12/1986	Hậu Giang	1256	
53	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	28/05/1995	Đồng Tháp	1257	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 30 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.1 - Từ SBD 1258 đến 1309)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	06/07/1998	Tp. HCM	1258	
2	Nguyễn Thục	Trinh	18/05/1999	Tp. HCM	1259	
3	Trần Ngọc Phương	Trinh	10/05/1988	Tp. HCM	1260	
4	Võ Huỳnh	Trinh	18/09/1999	Tp. HCM	1261	
5	Nguyễn Văn	Trinh	23/01/1998	Đà Nẵng	1262	
6	Trần Diệp Tuyết	Trinh	01/01/1997	Tp. HCM	1263	
7	Trần Văn	Trộn	08/06/1983	Tp. HCM	1264	
8	Đặng Hoàng	Trong	26/10/1980	Tp. HCM	1265	
9	Nguyễn Nữ Phương	Trọng	20/06/2000	Tp. HCM	1266	
10	Châu Thị Thanh	Trúc	30/08/1994	Tp. HCM	1267	
11	Đoàn Phạm Thanh	Trúc	07/05/1978	Tp. HCM	1268	
12	Lê Thị Nhã	Trúc	27/01/2000	Tp. HCM	1269	
13	Lê Trần Khánh	Trúc	14/11/1995	Tp. HCM	1270	
14	Nguyễn Thanh	Trúc	09/12/1990	Trà Vinh	1271	
15	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	25/08/1996	Tp. HCM	1272	
16	Phạm Thị Đông	Trúc	10/08/1999	Tp. HCM	1273	
17	Tạ Quang Thạch	Trúc	27/11/1989	Đắk Lắk	1274	
18	Lê	Trực	21/12/1970	Đồng Nai	1275	
19	Nguyễn Thị Minh	Trực	02/08/1998	Tp. HCM	1276	
20	Phạm	Trực	03/12/1981	Tp. HCM	1277	
21	Huỳnh Hoài	Trung	04/06/1997	Đồng Tháp	1278	
22	Lê Minh	Trung	10/08/1989	Cần Thơ	1279	
23	Lê Xuân	Trung	08/02/1986	Cần Thơ	1280	
24	Mai Thành	Trung	25/01/1994	Tp. HCM	1281	
25	Nguyễn Đức	Trung	08/02/1995	Tp. HCM	1282	
26	Nguyễn Đức	Trung	25/10/1997	Tp. HCM	1283	
27	Trần Bá Nguyên	Trung	12/08/2000	Tp. HCM	1284	
28	Võ Thành	Trung	19/12/1999	Đà Nẵng	1285	
29	Võ Văn	Trung	11/10/1976	Tp. HCM	1286	
30	Nguyễn Thị	Trường	06/05/1992	Đắk Nông	1287	
31	Vũ Công	Trường	05/07/1997	Bình Dương	1288	
32	Bùi Đức	Tú	04/01/2000	Tp. HCM	1289	
33	Đinh Văn	Tú	06/07/1982	Đà Nẵng	1290	

34	Nguyễn Anh	Tú	08/09/1991	Tp. HCM	1291	
35	Nguyễn Huy Nhật	Tú	23/08/1991	Đồng Nai	1292	
36	Nguyễn Minh	Tú	29/08/1993	Quảng Nam	1293	
37	Nguyễn Thanh	Tú	10/04/1972	Cần Thơ	1294	
38	Phạm Cẩm	Tú	16/12/1999	Tp. HCM	1295	
39	Cần Đỗ Hoàng	Tú	19/08/1995	Tp. Hà Nội	1296	
40	Lê Thị Cẩm	Tú	08/02/1988	Tp. Hà Nội	1297	
41	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	27/12/1997	Tp. HCM	1298	
42	Nguyễn Thị Thanh	Tú	23/11/1999	Tp. HCM	1299	
43	Nguyễn Tuấn	Tú	16/01/1996	Tp. HCM	1300	
44	Lê Văn	Tuân	15/10/1990	Tp. HCM	1301	
45	Nguyễn Thế	Tuân	15/05/1985	BR-VT	1302	
46	Bùi Văn	Tuấn	18/02/1987	Đồng Nai	1303	
47	Đinh Anh	Tuấn	20/06/1986	Tp. HCM	1304	
48	Hồ Hoàng	Tuấn	13/04/1991	Tp. HCM	1305	
49	Hồ Văn Hoàng	Tuấn	18/09/1988	Cần Thơ	1306	
50	Huỳnh Anh	Tuấn	25/10/1987	Tp. HCM	1307	
51	Mã Hoàng Anh	Tuấn	21/02/1996	Tp. HCM	1308	
52	Nguyễn Anh	Tuấn	01/09/1985	Tp. HCM	1309	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 31 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.3 - Từ SBD 1310 đến 1361)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Anh	Tuấn	08/09/1983	Tp. HCM	1310	
2	Nguyễn Hữu	Tuấn	04/10/1988	Đồng Nai	1311	
3	Phan Thanh	Tuấn	05/10/1990	Tp. HCM	1312	
4	Trần Minh	Tuấn	20/06/1982	Đà Nẵng	1313	
5	Trần Như	Tuấn	22/11/1980	Tp. HCM	1314	
6	Vũ Anh	Tuấn	25/05/1978	Tp. HCM	1315	
7	Cao Kỳ	Tùng	18/02/1991	Đồng Nai	1316	
8	Lê Thanh	Tùng	13/08/1992	Tp. HCM	1317	
9	Ngô Thanh	Tùng	17/12/1991	Tp. HCM	1318	
10	Nguyễn Anh	Tùng	12/11/1993	Tp. HCM	1319	
11	Nguyễn Thanh	Tùng	17/11/1984	Tp. HCM	1320	
12	Vũ Thanh	Tùng	05/06/1981	Đồng Nai	1321	

13	Bùi Linh	Tú	01/12/1998	Đồng Tháp	1322	
14	Nguyễn Huy	Tú	05/03/1974	Đồng Nai	1323	
15	Hà Văn	Tú	02/09/1993	Tp. HCM	1324	
16	Võ Duy	Tú	06/10/1974	BR-VT	1325	
17	Lê Thị Kim Linh	Tú	07/03/1983	Tp. HCM	1326	
18	Nguyễn Lê Kim	Tú	03/04/1998	Tp. HCM	1327	
19	Nguyễn Thị Bích	Tú	13/04/2001	Cần Thơ	1328	
20	Lê Ánh	Tú	30/11/1995	Tp. HCM	1329	
21	Phạm Ánh	Tú	14/05/1997	Gia Lai	1330	
22	Trần Thị	Tú	23/08/1993	Tp. HCM	1331	
23	Nguyễn Hoàng Đức	Tú	26/04/1996	Tp. HCM	1332	
24	Đoàn Phương	Tú	24/08/1999	Tp. HCM	1333	
25	Hồ Thị Tú	Tú	29/03/1999	Tp. HCM	1334	
26	Nguyễn Nhật Thanh	Tú	05/09/1999	Tp. HCM	1335	
27	Trần Ngọc Nhã	Tú	01/06/2000	Tp. HCM	1336	
28	Trần Thị Thảo	Tú	11/04/1997	Bình Dương	1337	
29	Ngô Hoàng Thảo	Tú	03/01/1999	Tp. Hà Nội	1338	
30	Đinh Thị Thu	Tú	29/06/1995	Tp. HCM	1339	
31	Doãn Thị Thanh	Tú	23/08/1988	Tp. HCM	1340	
32	Huỳnh Thụy Thanh	Tú	15/04/1987	Tp. HCM	1341	
33	Nguyễn Đức Ái	Tú	22/10/2000	Tp. HCM	1342	
34	Nguyễn Thị Hồng	Tú	24/02/1981	Đồng Nai	1343	
35	Nguyễn Thị Thu	Tú	13/06/1982	Tiền Giang	1344	
36	Nguyễn Thị Thùy	Tú	20/02/1981	Cà Mau	1345	
37	Nguyễn Thủy	Tú	19/06/1998	Tp. HCM	1346	
38	Phạm Thị Bích	Tú	15/08/1996	Tp. HCM	1347	
39	Trần Thị Bích	Tú	20/10/1992	Gia Lai	1348	
40	Trần Thị Hiếu	Tú	20/08/1998	Tp. HCM	1349	
41	Võ Thị	Tú	05/01/1975	Tp. HCM	1350	
42	Nguyễn Anh	Tú	02/04/1975	Đồng Nai	1351	
43	Đinh Thục	Tú	25/12/2000	Đà Nẵng	1352	
44	Mai Đặng Khánh	Tú	14/02/2000	Tp. HCM	1353	
45	Nguyễn Thị Yến	Tú	11/01/1999	Tp. HCM	1354	
46	Thị Thoại	Tú	10/01/1992	Tp. HCM	1355	

47	Võ Duy Đăng	Viên	02/09/1999	Tp. HCM	1356	
48	Nguyễn Thị Thu	Việt	17/03/1990	Tp. HCM	1357	
49	Phạm Văn	Việt	05/09/2000	Đà Nẵng	1358	
50	Trần Hoàng	Việt	26/11/2000	Tp. HCM	1359	
51	Lê Văn	Vinh	21/12/1984	Tp. HCM	1360	
52	Nguyễn Quang	Vinh	09/06/1986	Tp. HCM	1361	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 32 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.5 - Từ SBD 1362 đến 1413)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Phạm Kim	Vinh	16/07/1995	Tp. HCM	1362	
2	Đỗ Thanh	Vũ	21/04/1980	Bình Dương	1363	
3	Nguyễn Anh	Vũ	01/07/1994	Đồng Nai	1364	
4	Nguyễn Cao Trường	Vũ	19/09/1999	Tp. HCM	1365	
5	Nguyễn Đăng	Vũ	27/06/1999	Tp. HCM	1366	
6	Nguyễn Hoài	Vũ	15/10/1999	Tp. HCM	1367	
7	Nguyễn Hoàng	Vũ	22/10/1979	Tây Ninh	1368	
8	Nguyễn Ngọc	Vũ	20/07/1998	Tp. HCM	1369	
9	Phạm Văn	Vũ	11/11/1999	Đắk Lắk	1370	
10	Tô Thành	Vũ	15/04/1990	Đồng Nai	1371	
11	Nguyễn	Vũ	27/10/1999	Tp. HCM	1372	
12	Lê Thịnh	Vượng	30/03/1976	Tp. HCM	1373	
13	Bùi Thị Thúy	Vy	07/04/2000	Tp. HCM	1374	
14	Chiêu Mỹ	Vy	02/07/1993	Tp. HCM	1375	
15	Đặng Ngọc Tường	Vy	18/10/1975	Tp. HCM	1376	
16	Hồ Phạm Triều	Vy	31/08/1999	Tp. HCM	1377	
17	Lê Hoàng Quỳnh	Vy	18/09/1985	Tp. HCM	1378	
18	Lê Ngọc Hải	Vy	12/09/1999	Tp. HCM	1379	
19	Lê Nguyễn Hoàng	Vy	14/06/1993	Tp. HCM	1380	
20	Ngô Thị Tiểu	Vy	16/04/1998	Tp. HCM	1381	
21	Nguyễn Đức	Vy	10/04/1989	Tây Ninh	1382	
22	Nguyễn Thị Hoàng	Vy	18/08/1984	Khánh Hòa	1383	
23	Phạm Thị Thúy	Vy	30/01/1999	Tp. HCM	1384	
24	Phạm Thị Thúy	Vy	10/09/1998	Tp. HCM	1385	
25	Phan Thị Ánh	Vy	07/04/1997	Tp. HCM	1386	

VIẾT
MÀ

26	Thân Thị Ánh	Vy	02/09/1995	Tp. HCM	1387	
27	Trần Hoàng Khánh	Vy	04/10/1996	Tp. HCM	1388	
28	Văn Thị Thảo	Vy	08/12/2000	Tp. HCM	1389	
29	Nguyễn Thị Tường	Vy	02/04/2000	Tp. Hà Nội	1390	
30	Nguyễn Hoàng	Xem	28/12/1961	Hậu Giang	1391	
31	Nguyễn Văn	Xịn	01/08/1984	Tp. HCM	1392	
32	Cao Thị	Xuân	29/10/2000	Bình Thuận	1393	
33	Nguyễn Phạm Thanh	Xuân	03/01/1997	Tp. HCM	1394	
34	Nguyễn Thị	Xuân	20/02/1999	Đắk Lắk	1395	
35	Nguyễn Thị Kim	Y	17/06/2000	Tp. HCM	1396	
36	Đinh Thị Như	Ý	15/03/1994	Quảng Nam	1397	
37	Nguyễn Thị Như	Ý	16/02/2000	Tp. HCM	1398	
38	Phạm Như	Ý	10/12/1995	Tp. HCM	1399	
39	Phan Thị Ngọc	Yên	24/09/1997	Tp. HCM	1400	
40	Cao Thị Hải	Yến	11/12/1987	Tp. HCM	1401	
41	Đinh Thị Kim	Yến	02/03/1966	Đắk Lắk	1402	
42	La Kim	Yến	05/10/1992	Tp. HCM	1403	
43	Lê Hoàng Bảo	Yến	15/11/1998	Tp. HCM	1404	
44	Lương Thị Hải	Yến	12/09/1995	Tp. HCM	1405	
45	Nguyễn Hải	Yến	29/08/1995	Tp. HCM	1406	
46	Nguyễn Thị	Yến	05/05/2000	Tp. HCM	1407	
47	Nguyễn Thị Hải	Yến	03/01/1993	Cà Mau	1408	
48	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	25/09/1999	Tp. HCM	1409	
49	Phạm Ngọc Hải	Yến	01/10/2000	Tp. HCM	1410	
50	Phan Kim	Yến	29/10/1984	Tp. HCM	1411	
51	Trần Thị Phi	Yến	09/03/1995	Tp. HCM	1412	
52	Trịnh Hoàng Phi	Yến	30/08/1999	Tp. HCM	1413	